Người ký: Sở Công thương
Email: sct@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 10.07.2017 16:55:11 +07:00

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ CÔNG THƯƠNG
Số: 740/SCT-QLNL

V/v triển khai thực hiện các chỉ thị, phương án, kế hoạch liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 đã được UBND tỉnh Gia Lai ban hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 07 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Các chủ đập thủy điện trên địa bàn tỉnh.

Trong tháng 6/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành các chỉ thị, phương án, kế hoạch liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

- Chỉ thị số: 10/CT-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2017 ban hành kèm theo Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND tỉnh.

- Kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND tỉnh.

Để chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017, đảm bảo an toàn cho công trình và vùng hạ du sau đập, Sở Công Thương đề nghị các chủ đập thủy điện trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao tại các chỉ thị, phương án, kế hoạch nói trên (*Toàn văn nội dung các chỉ thị, phương án, kế hoạch nêu trên được đăng tải tại địa chỉ website của UBND tỉnh Gia Lai: http://gialai.gov.vn, địa chỉ website của Sở Công Thương tỉnh Gia Lai: http://sct.gialai.gov.vn*)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- BCH PCTT & TKCN tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VP, QLNL.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH GIA LAI

Bùi Khắc Quang

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /CT-UBND	*Gia Lai, ngày 20 tháng 6 năm 2017*

CHỈ THỊ
Về việc tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2016-2020; Thông báo số 215/TB-VPCP ngày 08/5/2017 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016, triển khai nhiệm vụ năm 2017.

Để chủ động triển khai công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai với nguyên tắc "Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả" và phương châm "4 tại chỗ", đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhà nước và nhân dân, UBND tỉnh Chỉ thị như sau:

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh:

a) Nghiêm túc triển khai thực hiện Luật Phòng chống thiên tai năm 2013 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương; Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2016-2020; Thông báo số 215/TB-VPCP ngày 08/5/2017 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016, triển khai nhiệm vụ năm 2017"; Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh về Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Gia Lai; Văn bản số 1154/BCH-PCTT ngày 31/8/2016 của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh về phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

b) Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành (chú trọng cấp xã); phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; nâng cao trách nhiệm Ban Chỉ huy và từng thành viên, đảm bảo tính thống nhất, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp để chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả trong mọi tình huống thiên tai.

c) Tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016, phát huy những việc đã làm tốt, khắc phục những mặt hạn chế yếu kém để bổ sung kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và sát với nhận định về diễn biến thiên tai. Chủ động phòng chống, ứng phó kịp thời và có hiệu quả trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

d) Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các Kế hoạch, Phương án về phòng chống, ứng phó với thiên tai mà UBND tỉnh đã ban hành (Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 về Ban hành Phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020 có tính đến tình huống bão mạnh, siêu bão; Kế hoạch số 4053/KH-UBND ngày 18/9/2015 về ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lụt, lũ quét, sạt lở đất đá trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020; Kế hoạch số 1548/KH-UBND ngày 13/4/2016 về ứng phó với sự cố vỡ hồ, đập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 981/KH-UBND ngày 15/3/2017 về Hiệp đồng nhiệm vụ phòng chống thiên tai và TKCN năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; các văn bản chỉ đạo hiện hành của UBND tỉnh). Trong đó, tiến hành điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 sát thực tế để chủ động ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

e) Tổ chức trực ban ở cơ quan, công sở, trường học… trong mùa mưa lũ để sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra, bảo vệ tài sản của Nhà nước.

f) Chỉ đạo rà soát, tăng cường quản lý việc xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là công trình giao thông, thủy lợi, các hệ thống tiêu thoát nước, khu dân cư, đô thị tại khu vực ven sông,... đảm bảo hạn chế tác động do thiên tai. Chủ động lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực.

g) Bảo đảm mạng lưới thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo, dự báo hoạt động thông suốt trong mùa mưa, bão và trong mọi tình huống. Thực hiện nghiêm túc chế độ trực ban 24/24 giờ khi thiên tai xảy ra và trong suốt mùa mưa, bão để chủ động xử lý kịp thời các tình huống do thiên tai gây ra.

h) Phối hợp với các đơn vị thi công tổ chức kiểm tra, rà soát các công trình đang thi công khi có cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới, mưa, lũ để tiến hành lập rào chắn và cắm biển cảnh báo tại các vị trí hố móng, các công trình bị ngập nước do ảnh hưởng mưa, lũ gây nguy hiểm đến tính mạng của người dân.

i) Báo cáo kịp thời về Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh các nội dung về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương, cơ quan, đơn vị mình; chủ động xử lý, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền khi xảy ra các tình huống thiên tai.

2. Đài Khí tượng Thuỷ văn Khu vực Tây Nguyên: Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, nhận định, dự báo kịp thời phục vụ chỉ đạo, ứng phó có hiệu

quả với các tình huống thiên tai, nhất là các hiện tượng thời tiết cực đoan, áp thấp nhiệt đới, bão, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất đá; cải tiến nội dung, hình thức, cung cấp thông tin dự báo phù hợp cho các đối tượng tiếp nhận; theo dõi, quan trắc, dự báo sớm lưu lượng lũ về các hồ chứa và xả lũ hồ chứa để phục vụ công tác phòng, chống lũ lụt cho vùng hạ du đập.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT (Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, phụ trách về công tác phòng chống thiên tai):

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và triển khai các Phương án, Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong năm 2017 với phương châm "4 tại chỗ", sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra.

b) Hướng dẫn bố trí lịch thời vụ sản xuất và bố trí cây trồng hợp lí cho từng khu vực để đảm bảo tránh lũ, nhất là khu vực ven sông, suối.

c) Triển khai công tác quản lí, bảo đảm an toàn các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong mùa mưa lũ năm 2017 theo quy định tại Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ; Chỉ thị số 3199/CT-BNN-TCTYL ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tăng cường công tác đảm bảo an toàn hồ chứa nước thủy lợi; Văn bản số 1692/UBND-NL ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Quán triệt, phổ biến, tập huấn, tuyên truyền Luật phòng chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật phòng chống thiên tai cho các cấp, các ngành; đôn đốc các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017; tiếp tục triển khai Chương trình hành động số 2263/CTr-UBND ngày 06/8/2008 của UBND tỉnh về thực hiện chiến lược phòng chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; tổ chức triển khai tốt Đề án quản lí rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 14/5/2010 của UBND tỉnh.

e) Triển khai thực hiện việc thu Quỹ Phòng chống thiên tai theo Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh (về thành lập Quỹ phòng chống thiên tai và cơ quan quản lý Quỹ phòng chống thiên tai theo quy định của Luật Phòng chống thiên tai và Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ).

f) Đôn đốc các thành viên Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh theo nhiệm vụ đã phân công, tiến hành kiểm tra công tác chuẩn bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 của các địa phương, cơ quan đơn vị, đặc biệt là phương án đảm bảo an toàn hồ đập và phòng, chống lũ lụt vùng hạ du đập do xả lũ hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

g) Phối hợp với các sở ngành, chính quyền địa phương và các đơn vị chủ đập thủy điện, thủy lợi liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 330/-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh về Ban hành Quy trình ban hành và thực

hiện Lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện An Khê-Ka Nak và hồ Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm;

h) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu, đề xuất thành lập Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai theo đúng quy định của pháp luật.

i) Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây nguyên tham mưu đề xuất lắp đặt một số trạm đo mưa tự động nhằm phục vụ chỉ đạo ứng phó kịp thời với lũ, lũ quét, sạt lở đất.

k) Tổng hợp, kiểm tra, báo cáo kịp thời tình hình thiệt hại và công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra về UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo (theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra).

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (phụ trách về công tác cứu hộ, cứu nạn):

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát lại toàn bộ chủng loại, phương tiện, vật tư, trang thiết bị, nhân lực và bố trí cho các địa phương, nhất là các khu vực thường xuyên bị thiên tai, loại hình thiên tai bão lũ để chuẩn bị sẵn sàng phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017.

b) Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 981/KH-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh về Hiệp đồng nhiệm vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Bố trí, huy động lực lượng, phương tiện cần thiết phối hợp với các chủ đập thủy lợi và chính quyền địa phương để tham gia ứng cứu, xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp về mất an toàn đập, sự cố vỡ đập, nguy cơ ngập lũ vùng hạ du đập do xả lũ hồ chứa và công tác cứu hộ, cứu nạn, giúp đỡ địa phương khắc phục thiệt hại, đảm bảo vai trò chủ lực của quân đội trong công tác này.

5. Sở Công Thương: Triển khai công tác quản lí an toàn đập thủy điện theo Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ, Thông tư số 34/2010/TT-BCT ngày 07/10/2010 của Bộ Công Thương và văn bản chỉ, đạo hướng dẫn hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của UBND tỉnh.

6. Sở Xây dựng: Phối hợp với các sở ngành liên quan, chính quyền địa phương kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, người dân thực hiện đúng tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở, panô, biển quảng cáo có khả năng chịu được gió mạnh, bão, lốc xoáy, lũ lụt, nhất là các vùng thường xuyên bị thiên tai xảy ra.

7. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: Theo dõi tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh; tình hình thiếu đói của nhân dân vùng bị thiên tai; đề xuất kịp thời các biện pháp cứu trợ nhằm sớm ổn định đời sống nhân dân. Đồng thời kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện cứu trợ ở các địa phương, đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

8. Sở Y tế: Theo dõi, báo cáo về tình hình dịch bệnh ở người trong mùa mưa lũ năm 2017. Chuẩn bị dự phòng thuốc, hoá chất, vật tư, phương tiện, nhân lực để ứng cứu kịp thời, nhằm đảm bảo an toàn sức khoẻ, tính mạng con người trước mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra. Phân công nhiệm vụ cho các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố theo dõi tình hình dịch bệnh ở người tại vùng thiên tai, bão, lũ; hướng dẫn nhân dân vùng thiên tai xử lí nguồn nước uống đảm bảo hợp vệ sinh.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương khắc phục kịp thời ô nhiễm môi trường sau thiên tai xảy ra; hướng dẫn chính quyền địa phương xử lí thu gom vật kiến trúc, rác, vệ sinh môi trường và chôn lấp kịp thời xác chết động vật do thiên tai gây ra; tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất, đặc biệt là các cơ sở công nghiệp xả thải ra môi trường; xử lí vi phạm theo quy định pháp luật; tránh sự cố, thảm hoạ về môi trường.

c) Rà soát, đề xuất điều chỉnh các bất cập của quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông Ba.

10. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Đảm bảo thông tin, truyền thông phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh năm 2017.

b) Tăng cường tuyên truyền, truyền tải các chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan chức năng và các cấp chính quyền để người dân biết và tham gia phòng chống thiên tai; tổ chức các hình thức tuyên truyền phù hợp với từng khu vực, từng nhóm, từng đối tượng dân cư nhằm nâng cao nhận thức chủ động phòng tránh, ứng phó thiên tai của người dân.

11. Các sở, ngành giao thông vận tải, điện lực, bưu điện: Phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra, sửa chữa, gia cố kịp thời các công trình giao thông, cầu cống, điện sáng, hệ thống thông tin liên lạc trước mùa mưa lũ; có phương án cụ thể, sẵn sàng ứng cứu, tu sửa, sửa chữa kịp thời các sự cố hư hỏng về cầu đường, điện sáng, điện thoại để đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc và điện thắp sáng khi thiên tai xảy ra, nhất là trong mùa mưa lũ.

12. Công an tỉnh: Xây dựng Phương án đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có thiên tai, bão, lũ xảy ra; chủ động bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng phối hợp với các đơn vị quân đội, chính quyền địa phương tham gia sơ tán dân đến nơi an toàn, cứu hộ, cứu trợ, tìm kiếm cứu nạn khi có thiên tai, bão, lũ xảy ra; tổ chức phân luồng, hướng dẫn giao thông tại các khu vực bị thiên tai, bão, lũ để kiểm soát phương tiện và người lưu thông qua các đoạn đường bị ngập lũ.

13. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính: Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí ngân sách cho các dự án phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, nâng cấp và sửa chữa các hồ chứa, kênh mương, cầu cống để đảm bảo an toàn

trong mùa mưa lũ (nếu có); dự phòng kinh phí để hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, bão, lũ lụt gây ra theo đúng quy định pháp luật.

14. Các đơn vị chủ đầu tư, đơn vị quản lí và khai thác các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện: Đẩy nhanh tiến độ thi công công trình để vượt lũ; kiểm tra mức độ an toàn của từng công trình, có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đảm bảo an toàn trước mùa mưa lũ; vận hành điều tiết nước hồ chứa, xả lũ theo đúng Quy trình vận hành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo an toàn hồ chứa và hạ du đập; triển khai có hiệu quả các phương án bảo vệ đập, phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập và phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du đập hoặc sự cố vỡ đập theo đúng quy định.

15. Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai: Phối hợp với Đài Khí tượng thuỷ văn Khu vực Tây Nguyên và các sở ngành, địa phương thông tin kịp thời và chính xác về diễn biến thời tiết, thiên tai để Nhà nước và nhân dân chủ động phòng tránh và ứng phó; thông tin tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra và các văn bản chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Trung ương và của tỉnh để cán bộ và nhân dân biết, chủ động thực hiện.

16. Đề nghị UBMTTQVN tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội: Tiếp tục phát động phong trào ủng hộ, hỗ trợ các địa phương khắc phục nhanh hậu quả do thiên tai gây ra.

17. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Điều 15 Luật Phòng chống thiên tai; chuẩn bị vật tư, phương tiện, lực lượng với phương châm "4 tại chỗ" để chủ động phòng chống, ứng phó kịp thời với mọi tình huống thiên tai, bão lũ xảy ra trên địa bàn trong năm 2017; dự phòng lương thực, thực phẩm, nước uống cần thiết và tổ chức cứu hộ, cứu trợ, cứu nạn, khắc phục kịp thời khi có thiên tai xảy ra; không để thiệt hại về người, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản của Nhà nước và nhân dân.

b) Rà soát, cập nhật, xác định những khu vực nguy hiểm về ngập lũ, lũ cô lập, lũ quét, sạt lở đất đá trên địa bàn trong năm 2017; cắm biển báo các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ cô lập, sạt lở đất để nhân dân chủ động phòng tránh; vận động nhân dân không bơi lội qua sông, suối khi nước lũ về. Tổ chức lực lượng ứng trực ở những nơi thường xuyên bị lũ cô lập, lũ quét, sạt lở đất, nhất là vùng ven sông, suối, sườn đồi, hồ, đập để di dời dân đến nơi an toàn trong trường hợp cần thiết, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân.

c) Chỉ đạo nhân dân chèn chống nhà cửa, phát quang cây xanh khi có dự báo cơn bão mạnh, siêu bão đi qua; tổ chức di dời dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, vùng bão mạnh, lũ lớn khi cần thiết.

d) Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp, cán bộ về các loại hình thiên tai và biện pháp phòng tránh, kinh nghiệm phòng chống thiên tai, bão lũ và tìm kiếm cứu nạn để từ đó chủ động, tự giác trong phòng ngừa, ứng phó thiên tai.

e) Triển khai việc xây dựng kết cấu hạ tầng phải gắn với xây dựng nông thôn mới và gắn với phòng chống thiên tai, sự cố, biến đổi khí hậu; ngăn chặn tình trạng xây dựng trái phép công trình, nhà ở lấn chiếm lòng sông, suối, kênh mương.

f) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện bố trí, sắp xếp lại dân cư ở các vùng có nguy cơ cao về thiên tai, sớm di dời dân ở các khu vực có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất đá đến nơi quy hoạch.

g) Phối hợp với các sở ngành liên quan kiểm tra, xử lí vi phạm pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai, bảo vệ công trình thuỷ lợi; triển khai có hiệu quả kế hoạch thực hiện đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lí rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

h) Khẩn trương triển khai các giải pháp khắc khục hậu quả hạn hán, mưa đá, lốc xoáy, sét đã xảy ra trong mùa khô năm 2017 để sớm ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân.

i) Chủ động sử dụng ngân sách địa phương để triển khai công tác phòng, chống thiên tai và hỗ trợ cho nhân dân khắc phục thiệt hại, sớm ổn định đời sống.

k) Kiểm tra, tổng hợp, cập nhật báo cáo thường xuyên tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra về Sở Nông nghiệp và PTNT (Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh) để tổng hợp, báo cáo cho UBND tỉnh (theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh và đề nghị các đoàn thể, các đơn vị lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

Nơi nhận:
- Ban Chỉ đạo TW về PCTT (b/c);
- Uỷ ban Quốc gia TKCN (b/c);
- Thường trực Tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đài Khí tượng Thuỷ văn KV Tây Nguyên;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các cơ quan đoàn thể của tỉnh;
- Các đơn vị LLVT trên địa bàn tỉnh;
- Công ty TNHH MTV KTCT Thuỷ lợi;
- BQL ĐT&XD Thuỷ lợi 8;
- Các BQL, Công ty, Nhà máy TĐ trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Gia Lai (đưa tin);
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT, TH, NC, KGXH, CNXD, NL.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 501/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 21 tháng 6 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó với sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 12/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;

Theo Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh về Ban hành phương án Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020 (có tính đến tình huống ứng phó với bão mạnh, siêu bão);

Theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả động đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020;

Theo Kế hoạch số 4053/KH-UBND ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh về Ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất đá trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020;

Theo Kế hoạch số 1548/KH-UBND ngày 13/4/2016 của UBND tỉnh về ứng phó sự cố vỡ hồ, đập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020;

Theo Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 23/3/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

Theo Kế hoạch số 981/KH-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh về Hiệp đồng nhiệm vụ Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh về Ban hành Quy trình ban hành và thực hiện Lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện An Khê-KaNak và hồ Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT (Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh) tại Tờ trình số 87 /TTr-SNN ngày 15/5/2017 và Văn bản số 927/SNNPTNT-CCTL ngày 13/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các thành viên Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- BCĐ Trung ương về phòng chống thiên tai (b/c);
- UBQG Tìm kiếm Cứu nạn (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chi cục Phòng chống thiên tai Khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- Lưu: VT, TH, KT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
Phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số 501 /QĐ-UBND ngày 21 /6/2017 của UBND tỉnh Gia Lai)

Chương I
MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt là người, tài sản và các công trình trọng yếu. Kịp thời di dời, sơ tán dân ở khu vực xung yếu, có nguy cơ cao đến nơi tạm cư kiên cố, chắc chắn.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức cá nhân thuộc địa bàn tỉnh trong hoạt động phòng chống thiên tai theo quy định của Pháp luật.

- Quán triệt thực hiện có hiệu quả phương châm "bốn tại chỗ" (Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc phòng ngừa, chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả.

- Nâng cao năng lực của các cấp, các ngành trong việc xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai đạt hiệu quả.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN XÃ HỘI

1. Điều kiện địa lý:

Gia Lai là tỉnh miền núi, biên giới nằm ở phía Bắc Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 15.510,98 km^2. So với cả nước gần bằng 4,7%, có tọa độ địa lý từ 12°58'20'' đến 14°36'30'' vĩ độ Bắc và từ 107°27'23'' đến 108°54'40'' kinh độ Đông. Tiếp giáp theo địa giới hành chính bao gồm: Phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum; Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên; Phía Nam giáp tỉnh Đăk Lăk; Phía Tây giáp Campuchia.

Gia Lai có 17 đơn vị hành chính bao gồm: Thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, các huyện: Kbang, Đak Đoa, Chư Păh, Ia Grai, Mang Yang, Kông

Chro, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Sê, Đak Pơ, Ia Pa, Phú Thiện, huyện Krông Pa và huyện Chư Pưh. Trong đó Thành phố Pleiku là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và thương mại của tỉnh, nơi hội tụ của 2 quốc lộ chiến lược của vùng Tây Nguyên là quốc lộ 14 theo hướng Bắc Nam và quốc lộ 19 theo hướng Đông Tây, là điều kiện thuận lợi để giao lưu phát triển kinh tế - xã hội với vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, cả nước và quốc tế.

Gia Lai là đầu nguồn của nhiều hệ thống sông chảy xuống vùng Duyên hải và lưu vực sông Mê Kông nên có vị trí quan trọng trong việc cân bằng môi trường sinh thái, không chỉ của Gia Lai mà còn của các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và khu vực.

Tỉnh có vị trí khá thuận lợi về giao thông, với 5 trục quốc lộ: quốc lộ 14 nối Gia Lai với các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, các tỉnh Tây Nguyên, Vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long (từ Pleiku đến Buôn Mê Thuột tỉnh ĐăkLăk khoảng 200 km), quốc lộ 19 nối tỉnh với cảng Quy Nhơn (khoảng cách từ Pleiku khoảng 180 km) và Campuchia (cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh), quốc lộ 25 nối Gia Lai với tỉnh Phú Yên và Duyên hải Miền Trung, Quốc lộ 14C chạy dọc biên giới với Nước Campuchia; Đường Trường Sơn Đông nói Gia Lai-Kon Tum-Phú Yên. Ngoài ra còn có sân bay Pleiku nối liền với mạng lưới đường hàng không cả nước.

Gia Lai là Trung tâm Tam giác phát triển của 10 tỉnh thuộc khu vực biên giới 3 nước Lào - Việt Nam và Campuchia là cửa ngõ đi ra biển của phần lớn các tỉnh trong khu vực, nên đây là điều kiện để cùng các tỉnh bạn đẩy mạnh hợp tác phát triển và phát huy các lợi thế vốn có của mình nhằm tăng năng lực sản xuất và hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tạo điều kiện cho các vùng và hệ thống đô thị hình thành và phát triển, đầu tư có trọng điểm tạo khâu đột phá để thúc đẩy nền kinh tế phát triển đúng hướng, tạo thế Gia Lai trở thành vùng kinh tế động lực trong khu vực, thúc đẩy các tỉnh khác trong vùng cùng phát triển, đây là lợi thế rất lớn cho Gia Lai.

Với vị trí địa lý như trên, tạo điều kiện thuận lợi nhất định cho tỉnh giao lưu hàng hóa và có mối quan hệ lâu đời và bền chặt về kinh tế - xã hội môi trường sinh thái không chỉ với các tỉnh Tây Nguyên mà còn cả với các tỉnh Duyên hải miền Trung, cả nước và quốc tế.

2. Địa hình, địa mạo: Gia Lai là một tỉnh cao nguyên miền núi, có độ cao trung bình 800 - 900 m, với đỉnh cao nhất là Kon Ka Kinh thuộc huyện K'Bang: 1.478 m và nơi thấp nhất là vùng hạ lưu sông Ba: 100 m. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam, nghiêng từ Đông sang Tây với 3 kiểu địa hình chính:

- Địa hình đồi núi: chiếm khoảng 2/3 diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

- Địa hình cao nguyên: có hai cao nguyên đất đỏ bazan là cao nguyên Pleiku và cao nguyên Kon Hà Nừng - chiếm gần 1/3 diện tích tự nhiên của tỉnh.

- Địa hình thung lũng: có hai thung lũng lớn là thung lũng An Khê và thung lũng Cheo Reo - Phú Túc.

3. Khí hậu: Khí hậu của Gia Lai có đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng mang nhiều nét đặc thù của vùng Tây Nguyên và chia làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Khu vực phía Đông và Đông Nam tỉnh mùa mưa bắt đầu từ tháng 6 kết thúc tháng 11, mùa khô bắt đầu tư tháng 12 và kết thúc vào tháng 5 năm sau. Cụ thể:

- Nhiệt độ: nhiệt độ trung bình cả năm dao động trong khoảng 23-24°C và có sự khác biệt giữa nhiệt độ trung bình các tháng mùa hè và các tháng mùa đông (khoảng 5-6°C).

- Độ ẩm: độ ẩm không khí trung bình hàng năm dao động trong khoảng 81 - 82%. Đặc trưng này cũng có sự khác biệt giữa các tháng trong năm và giữa các vùng trong tỉnh.

- Lượng mưa: tổng lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1600 - 1700mm; trong đó tổng lượng mưa trong mùa mưa chiếm khoảng 80% tổng lượng mưa năm. Các tháng 7,8,9 là những tháng mưa nhiều (chiếm trên 50% tổng lượng mưa năm) và các tháng 1,2,3 là những tháng ít mưa (hầu như không mưa).

- Chế độ gió: hướng gió thịnh hành ở Gia Lai thay đổi theo mùa. Mùa đông hướng Đông Bắc; Mùa hè hướng Tây và Tây Nam.

4. Thủy văn: Gia Lai có hai hệ thống sông chính là hệ thống sông Ba và hệ thống sông Sê San, ngoài ra còn có các phụ lưu của sông Sêrêpok.

a) Hệ thống sông Ba: Đây là hệ thống sông có lưu vực lớn nhất, nằm ở phía Đông và Đông Nam của tỉnh. Hệ thống sông Ba gồm 2 nhánh sông chính là sông Ba và sông Ayun. Dòng chính sông Ba bắt nguồn từ đỉnh Ngọc Rô ở độ cao 1.549m của dãy Trường Sơn. Toàn bộ lưu vực hệ thống sông Ba chiếm diện tích 13.500 km^2, trong đó 11.450 km^2 thuộc tỉnh Gia Lai. Các địa phương trên địa bàn tỉnh thuộc lưu vực sông Ba là: huyện Kbang, thị xã An Khê, huyện Kông Chro, huyện Phú Thiện, thị xã AyunPa, huyện Ia Pa, huyện Krông Pa, huyện Đak Pơ.

b) Hệ thống sông Sê San: Sông Sê San là một nhánh của sông Mê Kông, sông Sê San được bắt nguồn từ vùng núi cao Ngọc Linh Bắc Tây Nguyên của Việt Nam, có diện tích lưu vực là 11.620 km^2, chiều dài sông là 237 km, được hợp bởi 02 sông lớn là sông ĐăkBla và Prông PôKô thuộc sườn phía Tây dãy Trường Sơn trên đất Tây nguyên. Phía tỉnh Gia Lai lưu vực Sê San chỉ có 03 nhánh: Ia Grai, Ry Ninh, Krom là những suối lớn ở phía tả dòng chính Sê San. Các nhánh sông này khá dốc phân bố ở phía Tây Bắc thành phố Pleiku, phần lưu vực này chiếm khoảng trên 25% diện tích lưu vực nhỏ so với toàn lưu vực, song đã đóng góp đáng kể nguồn nước cho vùng Tây Bắc tỉnh Gia Lai. Hàng năm lượng nước đến của 03 nhánh sông này khoảng 1,5 tỷ m^3. Các địa phương trên địa bàn tỉnh thuộc lưu vực Sê San là : huyện Chư Păh, Ia Grai, Đức Cơ và thành phố Pleiku.

Ngoài hệ thống sông Ba và sông Sê San trên địa bàn tỉnh còn có các phụ lưu của sông Sêrêpok bao gồm các nhánh sông như Ia Drăng, Ia Lốp, Ia Muer

lưu vực chiếm toàn bộ diện tích huyện Chư Prông và một phần phía Tây huyện Chư Sê.

c) Hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, kè chống sạt lở bờ sông:

- Công trình kè chống sạt lở bờ sông: Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh Gia Lai thực hiện đầu tư xây dựng 07 công trình kè chống sạt lở bờ sông, suối với tổng chiều dài 23,14 km ; Tổng mức đầu tư 928,27 tỷ đồng, trong đó: 04 công trình đã triển khai thi công và đưa vào sử dụng, 03 công trình đang triển khai thi công (Kè chống sạt lở bờ Tây sông Ayun đoạn qua thị xã Ayun Pa, Kè chống sạt lở suối Hội phú – PleiKu, kè chống sạt lở thuộc dự án Hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch Biển Hồ).

- Hệ thống công trình hồ chứa thủy lợi, thủy điện: Toàn tỉnh có 147 hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện các loại, trong đó:

+ Hồ chứa thuỷ điện: 35 hồ, bao gồm: 12 hồ chứa có dung tích lớn hơn 10 triệu m^3; 04 hồ chứa có dung tích từ 1 triệu – 10 triệu m^3; 19 hồ chứa có dung tích nhỏ hơn 1 triệu m^3;

+ Hồ chứa thuỷ lợi: 112 hồ, bao gồm: 5 hồ chứa có dung tích lớn hơn 10 triệu m^3; 12 hồ chứa có dung tích từ 1 triệu – 10 triệu m^3; 95 hồ chứa có dung tích nhỏ hơn 1 triệu m^3.

- Công trình khác: Trên địa bàn tỉnh có 4 trạm khí tượng, 3 trạm thủy văn, 07 trạm đo mưa nhân dân do Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực Tây nguyên quản lý, quan trắc các yếu tố mưa, bốc hơi, nhiệt độ, độ ẩm, mực nước, lưu lượng nước, lưu lượng phù sa lơ lửng được đưa vào phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

5. Xu thế biến đổi thiên tai và những thách thức:

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu thiên tai được dự báo sẽ xảy ra ngày càng nhiều hơn về loại hình, tần suất xuất hiện, phức tạp hơn về diễn biến và nghiêm trọng hơn về hậu quả, các hiện tượng El Nino, La Nina và sự gia tăng các cơn bão nhiệt đới, hạn hán, lốc, xoáy, mưa đá, dông tố,…, trong tương lai được dự báo có xu thế khốc liệt hơn.

- Địa hình phức tạp chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới nóng, ẩm, gió mùa; có nhiều khác biệt về tiểu vùng khí hậu, thường xuyên chịu ảnh hưởng của nhiều loại hình thiên tai như: Tố lốc, mưa đá, lũ ống, lũ quét, hạn hán, sạt lở đất, …. Mặc dù không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão nhưng mỗi khi bão mạnh đổ bộ vào các tỉnh ven biển Miền Trung, hoàn lưu của bão kết hợp với rãnh thấp thường gây mưa to đến rất to.

- Do tác động của biến đổi khí hậu, trong những năm gần đây bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động bất thường, không theo quy luật; số lượng và cấp độ hoạt động nhiều hơn, gây khó khăn cho công tác dự báo và ứng phó. Vấn đề cấp thiết đặt ra là phải có các biện pháp ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh phù hợp.

Từ các căn cứ trên và những đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh, UBND tỉnh Gia Lai xây dựng phương án "Ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Gia Lai" để toàn tỉnh tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG III

CÁC LOẠI THIÊN TAI VÀ CẤP ĐỘ CỦA CÁC LOẠI THIÊN TAI CÓ KHẢ NĂNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỊA BÀN

Theo thống kê hàng năm, phân tích chuỗi số liệu quan trắc về tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh thời gian qua thường xảy ra các loại hình thiên tai sau:

1. Bão, áp thấp nhiệt đới: Tỉnh Gia Lai do nằm sâu trong đất liền nên ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão. Theo số liệu quan trắc được chỉ duy nhất cơn bão số 9 ngày 29/9/2009 là ảnh hưởng trực tiếp đến Gia Lai và gây gió mạnh cấp 9, cấp 10 còn tất cả các cơn bão khác khi đổ bộ vào bờ biển các tỉnh Trung Bộ chỉ gián tiếp ảnh hưởng đến tỉnh Gia Lai và gây mưa to đến rất to gây lũ lụt. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: Cấp 4. Số cơn bão ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh trung bình: Từ 02- 04 cơn/năm. Vùng bị ảnh hưởng: Toàn tỉnh.

2. Mưa lớn: Tại tỉnh Gia Lai trong hiện tượng thời tiết ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới thì chủ yếu gây mưa lớn. Khu vực tỉnh Gia Lai thường ảnh hưởng của mưa bão từ tháng 8 đến tháng 10, riêng các huyện phía Đông Đông Nam tỉnh dến tháng 12. Thời kỳ này xoáy thuận nhiệt đới đổ bộ vào đất liền nước ta thường nối liền với dải hội tụ nhiệt đới, bão mạnh có cấp 11, cấp 12, lượng mưa trong bão cũng chỉ đạt dưới 300 mm. Ngược lại tuy là áp thấp nhiệt đới nhưng nằm trên dải hội tụ nhiệt đới và có không khí lạnh tác động đồng thời thì không những cường độ mưa lớn mà thời gian mưa kéo dài từ 3 đến 4 ngày, lượng mưa có thể đạt từ: 400 – 600 mm và diện mưa rất rộng. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: Cấp 3. Vùng bị ảnh hưởng: Toàn tỉnh.

3. Lốc, tố, dông, sét, mưa đá: Đây là hiện tượng thời tiết nguy hiểm thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ cuối mùa khô đầu mùa mưa gây thiệt hại về người, tài sản của nhà nước và nhân dân. Thiệt hại do lốc xoáy, sét, mưa đá gây ra trong năm 2015 khoảng 7,157 tỷ đồng. Đầu mùa mưa 2016 lốc xoáy, sét xảy ra trên địa bàn các huyện Đak Đoa, Chư Păh, Krông Pa, Chư Pưh, Đức cơ, Chư Prông, Kông Chro và thành phố PleiKu làm chết 03 người (bị sét đánh), bị thương 16 người, 1113 ngôi nhà bị tốc mái, hư hỏng, 46,73 ha cây trồng lâu năm bị gãy đổ; thiệt hại do lốc xoáy, sét mưa đá gây ra khoảng 13,88 tỷ đồng.

a) Dông, sét:

Phân tích chuỗi số liệu dông, sét tại các trạm tại tỉnh Gia Lai hầu như các tháng trong năm đều xuất hiện dông, sét (trừ tháng 12 và tháng 1). Đặc biệt là trong các tháng chuyển từ mùa khô sang mùa mưa (tháng 4,5,6) dông xảy ra mãnh liệt và nguy hiểm nhất trong đó tháng 5 là tháng xảy ra nhiều trận dông nhất. Và khu vực trung tâm tỉnh và khu vự phía Đông Nam tỉnh là khu vực xảy ra nhiều ngày có dông sét so với các vùng còn lại.

Số ngày có dông sét trung bình nhiều năm trên địa bàn tỉnh Gia Lai:

Đơn vị tính: (ngày)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Năm
Trạm Ia Ly	0	0	4	6	8	6	7	8	10	4	1	0	**54**
Trạm Pleiku	0	1	4	10	16	11	9	11	11	7	1	0	**81**
Trạm An Khê	0	0	3	9	15	11	10	11	11	6	0	0	**76**

Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: Cấp 1. Vùng bị ảnh hưởng: Toàn tỉnh.

b) Tố lốc: thường tập trung nhiều trong khoảng thời gian từ đầu tháng 4 đến cuối tháng 5. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: Cấp 1. Vùng bị ảnh hưởng: Toàn tỉnh.

c) Mưa đá: chỉ xuất hiện trong thời gian chuyển mùa từ mùa khô sang mùa mưa (khoảng tháng 3 đến tháng 5). Mưa đá xuất hiện trên địa bàn tỉnh thường có kích thước hạt nhỏ đường kính chỉ vài mm đến 2 cm. Thời gian xuất hiện cũng chỉ 3 đến 5 phút nên mức độ nguy hại cũng chỉ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: Cấp 1. Vùng bị ảnh hưởng: Toàn tỉnh.

4. Lũ, ngập lụt.

- Lũ trên các sông ở Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng có đặc điểm cơ bản sau: Nước tập trung nhanh, lũ lên đột ngột, tốc độ truyền lũ nhanh, đường quá trình lũ thường có dạng răng cưa. Chế độ lũ ở Gia Lai mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 nhưng tới tháng 7, tháng 8 mới bắt đầu, có thể nhận định tổng quát như sau:

+ Mùa lũ trên các sông suối vùng phía Tây và Tây Nam tỉnh bắt đầu từ tháng 7 kết thúc váo tháng 10;

+ Mùa lũ trên các sông suối ở vùng phía Bắc và Tây Bắc tỉnh bắt đầu từ tháng 8 kết thúc vào tháng 12;

+ Mùa lũ trên các sông suối ở vùng phía Đông và Đông Nam tỉnh bắt đầu từ tháng 9 kết thúc vào tháng 12;

- Phân bố lũ: Hàng năm lũ ở Gia Lai thường xuyên xuất hiện nhiều nhất tháng 8, tháng 9 ở vùng phía Tây và vùng trung tâm tỉnh; vào tháng 10, tháng 11 ở vùng phía Đông và Đông Nam tỉnh.

+ Lũ sớm: Thời gian xuất hiện lũ sớm ở Gia Lai là ở vùng phía Tây Trường Sơn trên các sông vừa và nhỏ vào tháng 5, tháng 6. Lũ đầu mùa có biên độ từ 1-3 mét, cá biệt lớn hơn 3 mét trên các sông suối có diện tích lưu vực < 100 km^2.

+ Lũ muộn: Lũ xuất hiện vào tháng 11 ở vùng Tây Trường Sơn và tháng 12 ở vùng Đông Trường Sơn. Lũ muộn ở Gia Lai chỉ vừa và nhỏ, với biên độ lũ phổ biến từ 1,5 đến 2,5 mét, cá biệt lớn hơn 2,5 mét.

+ Lũ chính mùa: Lũ xuất hiện vào tháng 8, tháng 9 ở vùng Tây Trường Sơn. Vào tháng 10, tháng 11 ở Đông Trường Sơn là lũ chính mùa. Lũ chính mùa thường là lũ lớn và đặc biệt lớn nhất trong năm, có đỉnh lũ, cường suất lũ, thời gian lũ đều rất lớn và thường là lũ kép.

- Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được do lũ: Cấp 4.

Mực nước cao nhất trên các sông ghi nhận được:

STT	Sông	Hmax(m)	Tgian xuất hiện	So với cấp BĐ 3
1	Ba	408,48	11/1981	> 1,98 m
2	Ba	158,63	11/2009	> 2,63 m
3	Ayun	682,36	11/1998	> 3,36 m

- Thời gian duy trì lũ: lũ trên các sông suối ở gia lai có thời gian lũ lên trung bình từ 28-32 giờ, thời gian lũ lên lớn nhất từ 55-79 giờ. Thời gian lũ xuống trung bình từ 45-80 giờ, lớn nhất từ 18-156 giờ. Thời gian duy trì ở mức nước cao (trên báo động 3) trung bình từ 10-30 giờ, lớn nhất từ 18 – 59 giờ. Lũ có khả năng kéo dài nhiều ngày và duy trì ở mức nước cao tới 2,3 ngày gây ngập lụt nghiêm trọng ở vùng trũng thấp ven sông, vùng lòng chảo bồn địa thuộc các huyện Ia Pa, Phú Thiện, thị xã Ayun Pa và huyện Krông Pa.

5. Lũ quét: Trong những năm gần đây do ảnh hưởng, thay đổi mạnh mẽ của thảm phủ bề mặt lưu vực, nhất là sự thu hẹp nhanh chóng diện tích và mật độ cây rừng, việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi, thủy điện, đô thị hoá các khu dân cư …và sự tác động của biến đổi khí hậu cường độ mưa tăng mạnh *(hiện tượng này đã xuất hiện nhiều lên so với những năm trước đây)*. Lũ quét xảy ra với xu hướng tăng phá hủy tài sản nhà nước, nhân dân và các công trình cơ sở hạ tầng, gây xói mòn, rửa trôi hàng triệu mét khối đất canh tác màu mỡ gây hiểm họa thực sự đối với nhân dân, nhất là đối với các nhà dân nằm ven khu sản xuất gần các sông, suối, sườn dốc, sườn đồi. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được do lũ quét: Cấp 2. Vùng bị ảnh hưởng do lũ quét: sườn dốc, hai bên bờ sông Ba, sông Ayun, sông Sê San,

6. Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy:

Hiện tượng xói lở bờ sông, suối, trượt lở đất, nứt đất xảy ra hàng năm do bão, lũ, lụt, mưa lớn gây ra. Điển hình là năm 2009, tại thôn Thanh Tân xã Ia krêl, huyện Đức Cơ, cách Quốc lộ 19B khoảng 150 mét về hướng Bắc bị sạt lở đất rộng khoảng 5000m^2, trên khu vực này là nương rẫy cà phê của dân; mức độ sụt lún đất được phân thành 2 vùng rõ rệt: vùng sụt lún sâu khoảng 4-5 mét nằm ngay đầu nguồn con suối cạn, diện tích sụt khoảng 1000 m^2, có 50 cây cà phê lâu năm bị vùi lấp; vùng sụt lún nông bên cạnh sâu khoảng 1-2 mét, diện tích sụt khoảng 4000 m^2, tại vùng này do hướng sụt thẳng đứng và không sâu nên số cây cà phê trên diện tích này cũng bị ảnh hưởng.

Vị trí khu vực nứt đất xảy ra tại làng Sơl, xã Ia Hlốp, huyện Chư Sê, là chân sườn đồi ven 1 suối lớn. Địa hình khu vực phân cắt mạnh, hệ thống suối, mương, rãnh phát triển, địa mạo khu vực khá dốc, bào mòn mạnh. Trên khu vực nứt đất kèm theo sụt lún yếu nhân dân trong vùng đang canh tác cà phê lâu năm. Khe nứt lớn nhất có bề rộng khoảng 2 mét, dài 30 mét chạy theo dọc hướng suối bên tả ngạn, song song với khe nứt lớn về phía dưới, gần sát suối có 12 khe nứt nhỏ bề rộng các khe nứt từ 30 cm đến 50 cm, chiều dài 10-20 mét.

Khu vực xảy ra nứt đất xa dân cư nên không có ảnh hưởng gì đến tính mạng và của cải của nhân dân, do sụt lún yếu nên không ảnh hưởng lớn đến cây cà phê trong vùng.

Các hiện tượng xói lở bờ sông, suối rất phổ biến, đặc biệt là bên hai bờ sông Ba, sông AYun, làm mất khá lớn diện tích canh tác của người dân trong khu vực và đe dọa sự an toàn của hệ thống cầu, cống cũng như hệ thống giao thông trong vùng.

Cấp độ rủi ro thiên tai ghi nhận được: Cấp 2. Vùng thường bị ảnh hưởng: Các sườn dốc, hai bên bờ sông Ba, sông Ayun, các tuyến đường giao thông trên địa bàn toàn tỉnh.

7. Hạn hán:

Những năm gần đây do tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, tình trạng nắng nóng, khô hạn, thiếu nước thường xuyên xảy ra, xu hướng diễn biến ngày càng nghiêm trọng gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Năm 2014 hạn hán đã gây thiệt hại cho 9.461,7 ha cây trồng, giá trị thiệt hại ước khoảng 25,37 tỷ đồng. Năm 2015 hạn hán xảy ra cả vụ đông xuân và vụ mùa gây thiệt hại cho 12.803,81 ha cây trồng, giá trị thiệt hại khoảng 176,68 tỷ đồng. Đặc biệt vụ Đông xuân 2015-2016 do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino có cường độ mạnh và kéo dài nhất trong 60 năm gần đây đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, đời sống của nhân dân; tính đến ngày 30/5/2016 thiệt hại do hạn hán gây ra là 30.556,1 ha cây trồng các loại; 9.164 hộ bị thiếu nước sinh hoạt; 15.895 hộ với khoảng 70.091 khẩu bị thiếu đói. Thiệt hại do hạn hán gây ra khoảng 841,214 tỷ đồng.

Cấp độ rủi ro thiên tai ghi nhận được do hạn hán: Cấp 1. Vùng bị ảnh hưởng: Toàn tỉnh.

CHƯƠNG IV

PHƯƠNG CHÂM ỨNG PHÓ

1. Đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra.

2. Bảo vệ các công trình quan trọng về An ninh Quốc gia, phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đảm bảo các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt.

3. Đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xử lý, ứng phó với rủi ro thiên tai.

4. Phối hợp chặt chẽ giữa Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN) tỉnh với các cấp, các ngành, trong chỉ đạo, chỉ huy phòng chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

5. Huy động nguồn nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm cần thiết theo phương châm 4 tại chỗ để ứng phó với thiên tai.

6. Thống kê, đánh giá thiệt hại; bảo vệ môi trường, phục hồi sản xuất; cơ chế chính sách, hỗ trợ để khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân sau thiên tai.

CHƯƠNG V

CÁC BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ

Căn cứ vào các loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thường xảy ra trên địa bàn tỉnh, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh đưa ra các biện pháp ứng phó như sau:

1. Biện pháp cơ bản ứng phó đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được quy định như sau:

- Triển khai thực hiện theo Kế hoạch số 981/KH-UBND ngày 15/3/2017 Về hiệp đồng nhiệm vụ Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 Ban hành Quy trình ban hành và thực hiện Lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện An Khê-KaNak và hồ Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm; Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành phương án Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020 (có tính đến tình huống ứng phó với bão mạnh, siêu bão); Kế hoạch số 4053/KH-UBND ngày 18/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất đá trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020; Kế hoạch số 1548/KH-UBND ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ứng phó sự cố vỡ hồ, đập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng *(có biểu Phụ lục I các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh kèm theo)*;

- Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp *(phương tiện, địa điểm sơ tán phụ lục số 2,3 kèm theo).*

- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;

- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, ngầm qua suối, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác;

- Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các khu vực có nguy cơ sạt lở tại các tuyến sông, kênh, trên địa bàn, tiến hành cắm biển cảnh báo nguy hiểm sạt lở, phân loại mức độ sạt lở và sắp xếp thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, từ đó có biện pháp xử lý sạt lở phù hợp; trong đó, ưu tiên các vị trí tập trung dân cư đông, các công trình phúc lợi công cộng quan trọng, công trình phục vụ quốc phòng - an ninh; Tổ chức tuyên truyền cho nhân dân sinh sống xung quanh để biết và chủ động phòng, tránh;

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

2. Ứng phó đối với hạn hán được quy định như sau:

- Thực hiện quyết liệt việc chuyển đổi cây trồng vùng thường xuyên bị hạn, lựa chọn các loại cây trồng cạn ngắn ngày có khả năng chịu hạn, sử dụng ít nước để gieo trồng trên đất lúa (như: đậu đỗ, ngô, sắn, v.v...) và dừng gieo trồng ở một số khu vực không đảm bảo về nguồn nước tưới để tránh thiệt hại;

- Vận hành hợp lý tiết kiệm nguồn nước ở các công trình thủy lợi, các hồ chứa nước thủy điện, các công trình cấp nước. Tổ chức nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, thiết lập các trạm bơm dã chiến, bơm chuyền, đào hố, giếng nông để lấy nước tưới cho cây trồng; sử dụng nước hợp lí, tiết kiệm cho trồng như: tưới phun mưa, tưới luân phiên, v.v... ưu tiên nguồn nước cho sinh hoạt của người dân, sau đó đến chăn nuôi gia súc, sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh, sản xuất công nghiệp, sản xuất điện. Đối với cây trồng, ưu tiên nước tưới cho cây trồng có giá trị kinh tế cao, cây công nghiệp dài ngày, cây trồng đang bước vào thời kỳ ra hoa kết trái. Dừng gieo trồng ở các vùng không đảm bảo nước tưới để tránh thiệt hại, đồng thời mở rộng sản xuất ở những vùng đảm bảo nước tưới để đạt được kế hoạch đề ra

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thiếu nước uống, nước sinh hoạt, thiếu đói, bệnh tật do hạn hán gây ra trên địa bàn tỉnh và triển khai các biện pháp tổ chức khai thác có hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt để phục vụ cấp nước sinh hoạt cho nhân dân. Hướng dẫn nhân dân khắc phục tình trạng thiếu nước các giếng đào, giếng khoan của hộ gia đình để đảm bảo cấp nước sinh hoạt. Những vùng thiếu nước sinh hoạt gay gắt đã chủ động sử dụng ngân sách địa phương để tổ chức vận chuyển nước sạch ở nơi khác đến phục vụ cấp nước hỗ trợ cho nhân dân, không để nhân dân thiếu nước uống, sinh hoạt. Tuyên truyền, vận động nhân dân tuyệt đối không sử dụng nước đục, cáu bẩn để uống, sinh hoạt, tránh nguy cơ dịch bệnh do sử dụng nước không hợp vệ sinh gây ra.

- Tổ chức điều hành hồ chứa phù hợp với tình huống cụ thể.

3. Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác thì căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể:

- Biện pháp ứng phó với dông, lốc, mưa đá:

+ Rà soát, cảnh báo đến từng hộ gia đình tại các điểm dân cư nằm trong khu vực nguy hiểm để có phương án sẵn sàng di chuyển đến nơi an toàn;

+ Chủ động chằng chống nhà cửa, vật kiến trúc, kho tàng… đảm bảo đủ sức chống đỡ khi có lốc xoáy, mưa đá và thiên tai xảy ra;

+ Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị thương.

- Biện pháp ứng phó với sét đánh:

+ Khi mưa lớn kèm theo có dông sét, không nên đứng dưới gốc cây, anten truyền hình, gần các vật kim loại, không chạm tay vào các vật ẩm ướt, vật dẫn điện; Tháo bỏ dây anten ra khỏi tivi, radio,…

+ Không đi dọc theo các bờ sông, bờ suối,…; Không trú mưa ở những công trình, nhà cửa, chòi rẫy ở giữa cánh đồng; Không sử dụng điện thoại; Không dùng dây thép phơi áo quần buộc vào cột thu lôi, cây cao;

+ Bỏ các vật dụng mang bên mình như cuốc xẻng, dao, mác, cần câu, gậy,…khi thấy có hiện tượng dông, sét có thể xảy ra;

+ Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị thương.

- Biện pháp ứng phó với nắng nóng:

+ Chủ động các biện pháp phòng chống nắng nóng cho người (đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương) và gia súc, gia cầm; hạn chế ra ngoài cũng như chăn thả gia súc, gia cầm ngoài trời trong thời gian nắng nóng cao điểm từ 10 giờ - 16 giờ; Vệ sinh môi trường và phun thuốc khử trùng, phòng bệnh cho người và vật nuôi;

+ Đảm bảo chuẩn bị đủ nguồn thức ăn, nước uống hợp vệ sinh.

CHƯƠNG VI

PHƯƠNG TIỆN, NHU YẾU PHẨM, LỰC LƯỢNG, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Lực lượng dự kiến huy động ứng phó thiên tai: Tổng lực lượng dự kiến huy động là 24.939 người, trong đó lực lượng quân đội là 3.704 người, Công an là 1.790 người, Y tế là 1.075 người, thanh niên tình nguyện là 6.686 người, Dân quân tự vệ địa phương là 3.329 người, lực lượng dự bị động viên 1.980 người, lực lượng các phòng ban huyện và các doanh nghiệp trên địa bàn huyện là 4491 người... (có phụ lục 3 kèm theo).

2. Phương tiện dự kiến huy động:

- Phương tiện phục vụ sơ tán dân: Ô tô các loại 976, ca nô cứu hộ, xuồng: 156 chiếc, phao cứu sinh: 3775 chiếc.

- Phương tiện phục vụ bảo vệ công trình trọng điểm: Xe máy xúc: 120 chiếc, xe ô tô tải: 604 chiếc, xe ủi-xe ban: 30 chiếc, xe bán tải 268 chiếc, máy bơm nước: 65 chiếc, xe công nông 1.437 chiếc...

(Có biểu Phụ Lục 4 chi tiết kèm theo).

3. Vật tư, nhu yếu phẩm dự kiến huy động:

- Lương thực, thực phẩm: Mỳ tôm: 4 tấn và 54.689 thùng, lương khô: 97,85 tấn và 19.277 thùng, gạo: 3.795 tấn, nước uống đóng chai: 88.278 thùng và 1000 lít, muối ăn 7 tấn, bánh mỳ 8.130 cái, bắp (ngô): 778 tấn, thịt hộp 68.588 (hộp).

- Nhiên liệu: xăng: 10 tấn và 270.018 lít, dầu diezen 74.313 lít, dầu hỏa 28.573 lít.

- Vật tư: cát: 1.650 m^3, đá: 1.355 m^3, gạch xây: 3.551.190 viên, 1.770 tấn xi măng...

(Có biểu Phụ Lục 5 chi tiết kèm theo)

CHƯƠNG VII

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI PHÙ HỢP VỚI CÁC CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

1. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1: Gồm thiên tai do lốc, sét, mưa đá, mưa lớn, nắng nóng, hạn hán, lũ, ngập lụt, lũ quét; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng chống thiên tai cấp trên.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

- Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

c) Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được ủy quyền.

d) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện hỗ trợ.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai cấp trên.

f) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

2. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2: Gồm thiên tai do lốc, sét, mưa đá, mưa lớn, nắng nóng, hạn hán, lũ, ngập lụt, lũ quét; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng vũ trang địa phương và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai và của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại mục 1; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

d. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

3. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3: Gồm các thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão, mưa lớn, nắng nóng, hạn hán, lũ, ngập lụt, lũ quét:

a) Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai chỉ đạo các địa phương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai; Quyết định các biện pháp cấp bách và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để hỗ trợ các địa phương ứng phó thiên tai khi có yêu cầu.

b) Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn căn cứ vào tình huống cụ thể , bố trí sẵn sàng các lực lượng, phương tiện và điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

c) Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền, triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c, mục 2 nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

f) Trường hợp thiên tai xảy ra ở mức độ vượt quá cấp độ 3 hoặc có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng, Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo.

4. Ứng phó thiên tai cấp độ 4: Gồm thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão, lũ, ngập lụt:

a) Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương liên quan triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai.

b) Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai chịu trách nhiệm tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp ứng phó thiên tai.

c) Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn bố trí sẵn sàng các lực lượng ứng phó thiên tai, điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ

d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời tham gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn. Tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn.

f) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c, mục 2 nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN, KIỂM TRA, THEO DÕI VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI.

Trên cơ sở thẩm quyền và nhiệm vụ được giao các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh chủ động tổ chức triển khai thực hiện Phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Cụ thể:

1. Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn):

- Tham mưu cho UBND tỉnh quản lý hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, chỉ huy, điều hành trong phạm vi toàn tỉnh;

- Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo quy định tại Khoản 1 điều 43 của Luật phòng chống thiên tai;

- Chỉ huy ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong thiên tai trên địa bàn tỉnh; tham mưu các giải pháp công trình và phi công trình trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai;

- Đôn đốc thực hiện các chương trình, kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt;

- Kiểm tra đôn đốc các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt;

- Tổ chức trực ban, kịp thời thông tin, cảnh báo cho các Sở, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố để triển khai các biện pháp phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Tiếp nhận, phân bổ nguồn viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong công tác phòng chống thiên tai.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh:

- Xây dựng và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đặc biệt xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ, hướng dẫn kỹ năng để ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố, thiên tai;

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai; đặc biệt là tại các khu vực xung yếu (ven sông, vùng trũng thấp, vùng có nguy cơ bị lũ quét, sạt lở đất...). Sẵn sàng

phối hợp với các đơn vị, hỗ trợ, chi viện cho các huyện, thị xã, thành phố ngay khi có yêu cầu;

- Xây dựng các Phương án tìm kiếm cứu nạn, tham mưu chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang tỉnh và các lực lượng tăng cường của Bộ Quốc phòng, Quân khu, tăng cường cơ động ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa. Là lực lượng chủ lực, nòng cốt trong công tác tìm kiếm cứu nạn;

3. Công an tỉnh:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác cát, đất trái phép gây sạt lở bờ sông, rạch, công trình phòng, chống thiên tai.

- Tham gia sơ tán, di dời dân khỏi những nơi nguy hiểm theo đúng tinh thần chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, làm tốt công tác vận động, tuyên truyền để người dân hiểu, chấp hành sơ tán, di dời, hạn chế thấp nhất các trường hợp cưỡng chế.

- Xây dựng phương án đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có thiên tai trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Giao thông vận tải:

- Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành trong việc xây dựng phương án phòng chống thiên tai của tỉnh;

- Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn của ngành; xây dựng phương án huy động về nhân lực, phương tiện, vật tư cứu hộ đảm bảo giao thông, phương án phân luồng trên các tuyến giao thông và bảo đảm an toàn giao thông khi có thiên tai xảy ra.

5. Sở Xây dựng:

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng phù hợp với pháp luật về phòng, chống thiên tai; chủ trì, phối hợp và hướng dẫn địa phương thực hiện quy hoạch xây dựng, bảo đảm an toàn công trình trước thiên tai;

- Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn của công trình phù hợp với thiên tai; Phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra các nhà, xưởng, công trình, các công trường đang thi công (nhất là vấn đề an toàn đối với giàn dáo, cần cẩu…) không bảo đảm an toàn khi xảy ra thiên tai. Cảnh báo các chủ đầu tư có công trình ngầm, chuẩn bị và thực hiện tốt nhất phương án chống ngập khi mưa bão.

- Trước mùa mưa bão hàng năm, chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức phân loại nhà, công trình theo hướng dẫn tại văn bản số 1145/BXD-KHCN ngày 28/5/2015 về việc hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão và có phương án đảm bảo an toàn với các nhà cao tầng, nhà chung cư đã xuống cấp, nhà yếu.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện kịp tiến độ, đạt hiệu quả;.

- Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Sở Lao động Thương binh và xã hội: Đề xuất chính sách hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai trình UBND tỉnh quyết định đồng thời hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố giải quyết các chính sách, chế độ trợ giúp đột xuất cho các đối tượng bị ảnh hưởng do thiên tai theo quy định.

8. Sở Y tế:

- Hướng dẫn cho cán bộ y tế và cộng đồng về kỹ thuật cấp cứu thông thường, biện pháp vệ sinh môi trường; Hướng dẫn việc lồng ghép giới trong các hoạt động phòng, chống thiên tai.

- Có kế hoạch đảm bảo dự trữ và chuẩn bị vật tư, thuốc men, và kinh phí cần thiết để đảm bảo xử lý vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh và an toàn cộng đồng trong vùng xảy ra thiên tai chú trọng các vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt việc dự phòng tại chỗ; Chỉ đạo việc cấp cứu nạn nhân, phòng, chống bệnh dịch trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

9. Sở Công Thương:

- Có phương án dự trữ, đảm bảo cung cấp hàng hoá, nhu yếu phẩm cần thiết, nhất là lương thực và nước uống, sẵn sàng cung cấp cho vùng bị thiên tai, ngập, lụt nhất là các vùng có nguy cơ bị cô lập. Chỉ đạo công tác giám sát, kiểm tra quản lý thị trường, giá vật tư, vật liệu xây dựng... tại vùng bị ảnh hưởng của mưa lũ.

- Chỉ đạo, theo dõi, giám sát các chủ hồ thủy điện xây dựng và thực hiện các phương án, kế hoạch phòng chống thiên và tìm kiếm cứu nạn cho công trình trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra, xây dựng quy trình vận hành hồ chứa trong mùa mưa lũ đảm bảo vận hành an toàn cho vùng hạ du, bố trí nhân lực, vật tư, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ cứu hộ kịp thời, đảm bảo an toàn công trình khi gặp sự cố.

10. Sở tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

- Tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường; điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm, tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và phục hồi môi trường nhằm hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác cát, đất trái phép gây sạt lở bờ sông, công trình phòng, chống thiên tai.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chỉ đạo thực hiện lồng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình các cấp;

- Lập quy hoạch xây dựng các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo kết hợp phòng, chống thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng vùng, địa phương để bảo đảm an toàn.

12. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ cho hoạt động, điều hành của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; đảm bảo thông tin tuyên truyền chính xác, kịp thời về diễn biến, tình hình thiên tai; tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng tránh.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động trên địa bàn tỉnh thực hiện nhắn tin cảnh báo thiên tai qua điện thoại di động cho nhân dân biết và chủ động tránh trú an toàn theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính có phương án tham gia vận chuyển hàng hóa, vật liệu kịp thời phục vụ việc phòng, chống thiên tai.

13. Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh, các cơ quan thông tấn báo chí của tỉnh:

- Thực hiện chế độ phát tin cảnh báo, thông báo, truyền tin khi xảy ra thiên tai theo quy định;

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để thực hiện các chương trình phổ biến, tuyên truyền về phòng, chống, ứng phó thiên tai.

14. Công ty Điện lực Gia Lai: Đảm bảo nguồn điện liên tục 24/24 giờ cho các cơ quan, đơn vị chỉ đạo, điều hành, cảnh báo, dự báo, phòng, chống thiên tai. Bảo vệ hệ thống, thiết bị điện, trạm biến thế, đặc biệt là vấn đề an toàn trong sử dụng điện; đồng thời, xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng, chuẩn bị máy phát điện dự phòng cho các khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai.

15. Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Nguyên: Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, thủy văn, cảnh báo, dự báo kịp thời các hiện tượng khí tượng thủy văn đặc biệt đặc biệt các hiện tượng bất thường đưa ra các cảnh báo, dự báo kịp thời; Tiếp tục cụ thể hóa bản tin dự báo thời tiết nguy hiểm đến từng địa phương; Nâng cao chất lượng bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai, trọng tâm là nâng cao chất lượng về thời gian, cường độ ảnh hưởng bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lũ quét, sạt lở đất.

16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

- Xây dựng phương án ứng phó với rủi ro thiên tai sát với tình hình thực tế tại địa phương; phân công công việc cụ thể rõ ràng cho cấp xã, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn; chủ động xây dựng kế hoạch bổ sung nhằm đảm bảo đủ trang bị, phương tiện thiết yếu phục vụ cần thiết để có thể huy động kịp thời khi có rủi ro thiên tai xảy ra; xây dựng phương án cụ thể trong việc tổ chức di dời, bảo vệ dân ở vùng chịu ảnh hưởng của bão, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; chủ động ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí khác theo quy định để khắc phục hậu quả, sớm ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp đánh giá mức độ an toàn các công trình thủy lợi, nhất là các hồ chứa vừa và nhỏ trên địa bàn để phối hợp với các đơn vị quản lý công trình xây dựng phương án phòng chống thiên tai bảo đảm an toàn công trình trong mùa mưa bão.

- Có kế hoạch dự trữ lương thực và nhu yếu phẩm phục vụ nhân dân đảm bảo đủ nhu cầu khi có rủi ro thiên tai.

- Xây dựng Phương án ứng phó với bão mạnh và siêu bão, Phương án phòng tránh lũ quét sạt lở đất trên địa bàn; Phương án điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến của khí hậu, phương án chống hạn….

17. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội, đơn vị cá nhân có liên quan:

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật phổ biến kiến thức, kinh nghiệm nâng cao năng lực cộng đồng phòng ngừa thiên tai; tổ chức các đội thanh niên tình nguyện, xung kích ứng cứu công trình, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai. Vận động, tiếp nhận, phân phối và quản lý, sử dụng các nguồn cứu trợ, đóng góp tự nguyện để hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do thiên tai;

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế - xã hội đóng trên địa bàn tỉnh và mỗi công dân: Triển khai thực hiện các quy định của Luật phòng chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai theo trách nhiệm và phạm vi quản lý, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư để chủ động tham gia ứng cứu khi có lệnh của UBND và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;

- Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng tích cực tham gia thực hiện kế hoạch Phòng chống thiên tai và đầu tư vào các dự án phòng chống thiên tai.

UBND tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh tổ chức quán triệt các nội dung của phương án tới nhân dân, cán bộ, người lao động nhằm triển khai phương án kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản khi có thiên tai xảy ra, góp phần ổn định đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời chủ động triển khai thực hiện

phương án sát với tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương. Hàng năm rà soát, rút kinh nghiệm bổ sung nội dung phương án cho phù hợp và thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT) để tổng hợp, báo cáo, đề xuất cho UBND tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Thành

PHỤ LỤC I

Các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh

1. Huyện Ia Grai:

- Xã Ia Krăi: Khu vực sản xuất của làng Kăm, Tung Breng, dọc theo suối Ia Grai phía hạ lưu Thủy điện Ia Grai 3; Khu vực sản xuất của làng Doăch Kue, Doăch Krot, thôn 4, thôn 1dọc theo suối Ia Khai, Ia O và đập Ia Klẽ; Khu vực hạ lưu các hồ của Công ty TNHH MTV cà phê 705 (hồ đội 2, hồ đội 4, hồ đội 6, hồ Thanh niên), các hồ trên đã xây dựng từ những năm 1980, sau thời gian khai thác nay đã xuống cấp.

- Xã Ia Khai: Khu vực sản xuất của làng Yom, Nú, Ếch dọc theo bờ hồ dòng sông Sê San phía hạ lưu Thủy điện Sê San 3A; Khu vực sản xuất của làng Yăng Blo dọc theo suối Ia Grai phía hạ lưu Thủy điện Ia Grai 3.

- Xã Ia O: Khu vực sản xuất của làng Klong, Bi dọc theo bờ hồ dòng sông Sê San phía hạ lưu Thủy điện Sê San 4A; Khu vực sản xuất của các làng Dăng, O, Mít Chép, Mít Kom dọc theo bờ hồ dòng sông Sê San của lòng hồ thủy điện Sê San 4.

- Xã Ia Grăng: Khu vực sản xuất của làng Mèo,Châm, Hlũ, Khớp dọc theo suối Ia Grăng phía hạ lưu Thủy điện Ia Grai 1, thủy điện Ia Hrung.

2. Huyện Đak Pơ:

- Xã Ya Hội: Khu vực cuối làng Tờ số, Khu vực Suối Bò, Suối K'Tua, làng Ghép cũ, làng Mông I.

- Xã Phú An: Khu vực suối Cái, suối Tờ Đo, khu vực dọc sông Ba.

- Xã Tân An: Trạm Bơm Tân Hội, khu vực dọc sông Ba (thôn Tư Lương)

- Xã Yang Bắc: Khu vực dọc sông Ba như làng Chair, làng Jun, làng Jro Dòng, làng Klảh, làng Krông Ktu.

- Xã Hà Tam: Khu vực Suối Cái, Suối Xà Woòng

3. Huyện Chư Prông:

- Xã Ia Lâu: Địa bàn xã là khu vực trũng thấp, nhiều suối chảy qua như suối Ia Glai (suối Đục), suối Cát, suối Lâu, suối Lốp và cũng là vùng hạ lưu của hồ chứa nước Ia Glai - Chư Sê (thông qua hệ thống suối Ia Glai). Khi nước dâng sẽ gây ngập lụt các thôn Cao Lạng (7 hộ bị ngập), thôn Phố Hiến (20 hộ bị ngập) và thôn Đồng Tiến, làng Đút bị cô lập hoàn toàn.

- Xã Ia Piơr: Địa bàn xã có nhiều suối chảy qua như suối Ia Glai (suối Đục), suối Loai, suối Lốp và là vùng hạ lưu của hồ chứa nước Ia Glai - Chư Sê (thông qua hệ thống suối Ia Glai). Những khu vực thường xảy ra bị ngập gồm: Thôn Yên Hưng, Yên Bình, Thanh Miện, Đoàn Kết. Những thôn này thường xảy ra ngập lụt, bị cô lập, gây khó khăn cho nhân dân đi lại, sản xuất cũng như phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Số hộ chịu ảnh hưởng khi nước dâng là 123 hộ.

- Xã Ia Drăng, xã Ia O và Ia Púch: Hệ thống suối Ia Drăng chảy qua địa bàn xã Ia Drăng, suối Ia Púch chảy qua địa bàn xã Ia Púch. Khi có bão mạnh, siêu bão, có khả năng xảy ra lũ ống gây nguy hiểm cho các hộ sinh sống, sản xuất ven suối.

4. Huyện Ia Pa:

- Tại xã Ia Broăi: Toàn xã có 6 thôn bị ngập, với 3.800 người cần sơ tán, di dời (Buôn Jứ Ma Uốk, Jứ Ma Hoét khoảng 1.100 người; buôn Tông Ố, buôn Roăi, buôn Ia Rniu, buôn Tul khoảng 2.700 người).

- Tại xã Ia Trốk: Toàn xã có 7 thôn bị ngập, 3.400 người cần di dời, sơ tán (Thôn Quý Đức 1.200 người; Bôn Hoái, Ama Dung, Tông Sê, Quý Tân, Chư Ma, Bôn Thăm khoảng 2.200 người).

- Tại xã Ia Mrơn: Ứng cứu, di dời khoảng 930 người ở thôn Ma Rin 1, Ma Rin 2, Ba Leng đến điểm trường THCS Phan Bội Châu.

5 . Huyện Chư Sê:

- Vùng ảnh hưởng ngập lụt, sạt lở đất do ảnh hưởng của Bão mạnh, siêu bão gây mưa lớn trên địa bàn địa phương: Với lượng mưa do bão gây ra từ 200-300 mm xảy ra trong thời gian ngắn kết hợp với các hồ chứa xả lũ để bảo vệ hồ đập thì trên địa bàn huyện Chư Sê một số vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, ngập lụt là:

+ Các làng Dlâm, Hrung Răng 1, Hrung Răng 2, Hvăk 1, Hvăk 2 xã Ayun do hồ Ayun nước dâng do mưa lớn trong thời gian ngắn.

+ Các cánh đồng xã Chư Pơng, Ia Tiêm, Dun, thị trấn, Ia Glai do hồ Ia Ring và Ia Glai xả nước để bảo vệ hồ đập.

- Các hồ đập có nguy cơ mất an toàn: Các hồ chứa trên địa bàn huyện có các hồ chứa Ia Glai, Ia Ring thuộc quyền quản lý của Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai nếu trong tình huống mưa nhiều, thời gian dài quá trình xả lũ không kịp gây tràn đập dẫn đến vỡ đập.

6. Huyện Kbang:

- Thị trấn Kbang: Khu vực trọng điểm sạt lở đất: Dọc sông Ba - Làng Groi – Tổ dân phố 21. dọc suối Đăk Lốp, dọc Làng Chiêng, làng Hợp, làng Chré.

- Xã Đông: Khu vực trọng điểm sạt lở đất: Đường dốc yên ngựa; Khu vực bị ngập do xả lũ: Dọc Sông Ba.

- Xã Nghĩa An: Khu vực trọng điểm sạt lở đất: Bến đò (ông Hồ); Khu vực bị ngập do xả lũ: Dọc Sông Ba.

- Xã Đăk Hlơ: Khu vực trọng điểm sạt lở đất: Dọc theo suối Lơ.

- Xã Kông Bờ La: Khu vực trọng điểm sạt lở đất: Dọc theo suối Lơ làng Lợt; Khu vực cần chú ý khi có mưa to, lốc xoáy: Làng Lợk, thôn Mêdía, thôn Tu Chrăn.

- Xã Kông Lơng Khơng: Khu vực trọng điểm sạt lở đất: Dọc theo suối Lơ.

- Xã Tơ Tung: Khu vực trọng điểm sạt lở đất: Dọc theo suối Lơ; Các khu vực cần chú ý khi có mưa to, gió lốc, bão lũ: Làng Suối Lơ; Làng Klếch; Làng Đầm; Làng Khương

- Xã Lơ Ku: Khu vực trọng điểm sạt lở đất: Dọc theo suối Tơ Kân, khu tái định cư – Làng Lợt; Các khu vực cần chú ý khi có mưa to, gió lốc, bão lũ: Làng Tăng; Làng Tơ Tưng; Làng Tơ Pơng; Làng Drang

- Xã Krong: Khu vực trọng điểm sạt lở đất: Dọc theo sông Ba, đường đi Làng Adrong, làng Klư, đường vào khu sản xuất làng La Hách; Khu vực chú ý

ngập nước sông Ba, sông La Bà: Làng Pơ Drang, Làng Tơ Lăng, Làng Tung, Làng Gút, làng Sing, làng Hro; Khu vực cần chú ý khi mưa to, gió lốc: Làng Yueng, làng Đăk Trâu, Làng Hro, làng Klếch

- Xã Đăk Smar: Khu vực trọng điểm sạt lở đất khu tái định cư làng Krối.

- Xã Sơ Pai: Khu vực trọng điểm lũ quét, sạt lở đất là ngầm tràn Đăk Let và ven suối Đăk Lét, ngầm tràn Đăk Nhak; Hồ có nguy cơ sạt lở đất: Hồ Buôn Lưới, hồ Plei Tơ Kơn.

- Xã Sơn Lang: Khu vực chú ý mưa to, lốc xoáy: Làng Srắt, làng Đăk Asêl.

- Xã Đăk Roong: Khu vực trọng điểm sạt lở đất: Làng Hà Đừng, đập hồ C; Khu vực thường có mưa to, lốc xoáy: Làng Kon Lanh.

- Xã KonPne: Đường đèo từ xã Kon Pne đi xã Đăk Rong thường bị sạt lở; Khu vực trọng điểm lũ quét dọc sông Kon Pne; Ngầm tràn Đăk Rong, ngầm tràn Kon Kring; Các điểm dân cư tập trung, nhà đầm

7. Huyện Đak Đoa:

- Khu vực ít người, chủ yếu là dân canh tác trên nương, rẫy xa khu dân cư:

+ Khu vực thường bị ngập lụt: xã Trang, xã HNol (ít dân cư, chủ yếu là người dân canh tác trên các cánh đồng gần sông AYun);

+ Khu vực nguy hiểm có nguy cơ bị nước cuốn trôi: cầu treo tại suối Đăk Tông - xã Đăk Krong; cầu tràn KDập - xã Nam Yang.

+ Hồ có nguy cơ sạt lở: hồ thủy điện Đăk Đoa (xã Đăk Sơmei).

- Khu vực có dân cư sinh sống:

+ Khu vực có nguy cơ lũ cuốn trôi gây thiệt hại về người: suối Đăk Pơkei – làng Kon Jốt, xã Hà Đông.

+ 10 hộ dân thuộc làng Đê Adroch sinh sống tại khu vực hồ thủy điện Đăk Đoa xã Đăk Sơmei.

8. Thị xã An Khê:

- Các khu vực cần chú ý khi có mưa to, bão lũ xảy ra : xã Cửu An, Tú An, Song An;

- Những khu vực gây ngập úng, sạt lỡ, bị cô lập : phường An Tân, phường An Phú.

9. Huyện Kông Chro:

- Các khu vực thường xuyên xảy ra mưa lớn và gió lốc như xã Chư Krei, Đăk Tơ Pang, Đăk Kơ Ning.

- Các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét xã Sơ Ró (làng Sơ Ró), xã ĐăkTơPang (làng Kông), xã Đăk Pling (làng Brang).

10. Huyện Phú Thiện:

- Xã Chư A Thai: Bao gồm một số hộ thuộc làng Plei A Thai sinh sống ven khu vực sông Ayun.

- Xã Ia Ake: Các làng Plei Glung A + B, Plei Tăng A + B và một số hộ người kinh đang sinh sống ven sông Ayun.

- Xã Ayun Hạ: Làng Pleiơi khu vực ven suối Ia Ake.

- Thị trấn phú thiện: Bao gồm làng Plei Klah và Plei Knông đang làm ăn sinh sống ven khu vực sông Ayun.

- Xã Ia Sol: Đoạn đường đi xã Ia Yeng (Đoạn từ cầu 42 đến QL25)

- Xã Ia Piar: Bao gồm làng Gôk A + B, Làng Plei Kram, Plei Sing.

- Xã Ia Peng: Bao gồm thôn Thanh trang, Thôn Sô Ama Rông, thôn Thanh bình.

- Xã Chrôh Pơnan: Bao gồm Bôn Sô Ama Miơng một số hộ giáp bờ sông Ayun.

- Xã Ia Hiao: Bao gồm các thôn Bôn Hoan, Bôn Hiếp, Bôn Chư K Nông giáp suối Ia Hiao.

- Xã Ia Yeng: Bao gồm một số hộ thuộc các làng Plei Kram, Kte Lớn A + B, Kte nhỏ A + B làm ăn sinh sống dọc khu vực sông Ayun.

11. Huyện Krông Pa:

- Xã IarSiơm: Buôn Ơi nu B, Thôn chợ, đường liên xã đi Uar (Ngập úng 1 phần hoặc toàn bộ buôn, ách tắc giao thông).

- Xã IarSai4: Buôn (Pan,Pú,chích,K.Tinh), Buôn Sai, Ơ Kia, Chư tê (Sạt lở ven sông Pa, ngập úng suối IarSai).

- Xã ChưRCăm: Quỳnh phụ 2, Buôn H'Lang, Quỳnh phụ 3(Sạt lở Sông Pa, Ngập úng tại tràn suối Iaróa)

- Xã Uar: Buôn Teng, Buôn H'Ngô, Tràn suối Uar sạt lở sông Pa (Ngập úng tại tràn suối Uar)

- Xã Chư Đrăng 3: buôn Uar, Bến đò cầu Bung cũ (Ngập úng sạt lở đường vào 3 buôn, nước lớn Ca nô không qua lại được)

- Xã IarMok: Buôn Nông Sưu, Buôn Kơ Nia (Số dân canh tác thượng nguồn lòng hồ Iahdreh), Bến đò buôn Jao, Bến đò buôn B'Hă (Ngập úng 1 phần hoặc toàn bộ buôn Nông sưu, ách tắc giao thông vào khu vực lòng hồ, nước lớn, xuống không qua lại được).

- Xã Iahdreh: Khu vực tràn suối IaDreh (Ngập úng tại tràn suối IaDreh ách tắc Giao thông)

- Xã Krông Năng: Buôn Ji A Buôn tối, Buôn Pan (Ngập úng 1 phần buôn Ji A, Ngập úng tại tràn suối Drai, ách tắc giao thông vào 2 buôn Tối, Pan)

- Xã Chư gu: Buôn Nung, Tập Đoàn 7+8 (Ngập úng 1 phần do nước cánh đồng KơJa không thoát nước kịp)

- Xã Iamlah: Buôn Ơi Jik, Ơi Dak, Chính đơn 2 và thôn Hòa mỹ (Hồ Chứa Nước Mlah lớn lượng nước về hồ lớn hơn khả năng thoát nước của tràn xả lũ, có nguy cơ ảnh hưởng đến đập phải sơ tán dân hạ du)

- Xã Phú cần: Thôn bình minh (Ngập úng 1 phần hoặc toàn bộ Thôn bình minh như lũ năm 2009)

12. Thị xã AyunPa

- Phường Cheo Reo: dọc suối IaHiao và sông Ayun).

- Phường Hoà Bình: dọc sông Ayun và một số hộ dân tổ dân phố 4÷9 khu lò gạch, vùng bãi bồi).

- Phường Đoàn Kết: Bôn Ma Djương, Ma Hing, khu lò gạch, dọc sông Ayun).

- Phường Sông Bờ: vùng ngập lụt dọc sông Ayun, sông Ba, vùng hạ lưu suối IaRBol từ Quốc lộ 25 đến giáp sông Ba.

- Xã Ia Rbol: khu vực gần quốc lộ 25

- Xã IaSao: khu vực gần quốc lộ 25, đoạn từ Km 121-122 (Đối diện UBND xã IaSao) bị ngập khoảng 680, diện tích ngập phía trong Quốc lộ 25 khoảng 15 ha. Trên quốc lộ 25 đoạn từ cầu bản đến trạm xá xã IaRtô bị ngập khoảng 600m, diện tích vùng ngập phía trong khoảng 20 ha.

- Xã IaRtô : là xã có nguy cơ ngập lụt lớn, vùng ngập cả phía trong lẫn phía ngoài Quốc lộ 25

13. Huyện Mang Yang:

Các thôn làng ven sông Ayun; các công trình thủy lợi, đặc biệt hồ thủy lợi Hà Ra Bắc, Hà Ra Nam; các công trình thủy điện AYun thượng, xã Lơ Pang, H'Chan, H'Mun xã Đê Ar; cầu tràn Đê Gơl, cầu treo Đăk Yă đi Alao, cầu treo dân sinh tại làng Tar, làng Toak xã Kon Chiêng; các cầu cống nằm trên trục đường vào xã AYun, các cầu cống nằm trên trục đường tỉnh lộ 666; các phòng học đã xuống cấp.

14. Huyện Chư Păh

- Khu vực thường bị ngập nước và ảnh hưởng của gió mạnh: Tại các cánh đồng của các xã: Cánh đồng Ia Nâm-xã Chư Jôr, cánh đồng Ia Ôn-xã Hòa Phú, cánh đồng làng Yăh-thị trấn Ia Ly.

- Khu vực dân cư có khả năng bị ảnh hưởng do gió mạnh và lốc xoáy: Tại các thôn, làng: Thôn 2,7-xã Nghĩa Hòa; thôn Đoàn Kết-xã Chư Jôr; thôn 2-xã Ia Nhin; làng Rơ Wa, làng Tơ Vơn 1-xã Ia Khươl; làng Bui-xã Nghĩa Hưng; làng Hreng-xã Hòa Phú; làng Kon Kơ Mõ, làng Kon Măh, làng Kon Sơ lăng-xã Hà Tây; làng Doch 2-xã Ia Kreng, thôn 4-thị trấn Phú Hòa; làng Bloi, làng Vân-thị trấn Ia Ly; làng Yăng 2-xã Ia Phí.

- Khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ cuốn trôi gây thiệt hại về người: Suối Ia Ôn – xã Hòa Phú; suối Ia Nui, suối Ia Ai – xã Ia Phí; suối Đăk Ong, suối Ia Gun – xã Ia Khươl.

- Các công trình xung yếu: Các cầu, cống; công trình thủy lợi; các điểm khai thác cát trên địa bàn.

15. Huyện Chư Pưh: Có 05 khu vực ở 03 xã gồm:

- Xã Chư Don: 02 khu vực:

+ Khu vực Làng Plei Ngăng: Làng Ngăng có 30 hộ dân với 109 nhân khẩu là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống bằng nghề nông. Đây là khu vực gần suối trong mùa mưa bão dễ bị xảy ra ngập lụt ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của nhân dân. Vị trí: Tọa độ X là 1491082, tọa độ Y: 0444673.

+ Khu vực Làng Plei HLốp: Làng Plei HLốp có 61 hộ dân với 289 nhân khẩu là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống bằng nghề nông. Đây là khu vực gần núi, trong mùa mưa bão có nguy cơ bị sạt lở đất đá làm ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của nhân dân. Vị trí: Tọa độ X là 1494098, tọa độ Y là: 0448974.

- Xã Ia Le: 03 khu vực:

+ Khu vực thôn 6: Thôn 6 có 182 hộ dân với 765 nhân khẩu sinh sống bằng nghề nông là chủ yếu, trong đó có khoảng 24 hộ với 100 nhân khẩu ở khu vực gần suối dễ bị xảy ra ngập lụt. Vị trí: Tọa độ X là 1483359, tọa độ Y là 0455702.

+ Khu vực làng Ia Jô: Làng Ia Jô có 91 hộ với 415 nhân khẩu là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống bằng nghề nông. Đây là khu vực xa trung tâm xã, trong mùa mưa bão đường giao thông đi lại khó khăn dễ bị cô lập. Vị trí: Tọa độ X là 1483216, tọa độ Y là 0460799.

+ Khu vực làng Ia Brêl: Làng Ia Brêl có 107 hộ với 447 nhân khẩu là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống bằng nghề nông. Đây là khu vực xa trung tâm xã, trong mùa mưa bão đường giao thông đi lại khó khăn dễ bị cô lập. Vị trí: Tọa độ X là 1482622, tọa độ Y là 0461840.

- Xã Ia Phang: 01 khu vực. Khu vực Dự án Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại 289: Đây là khu vực vào mùa mưa bão có nguy cơ sạt lỡ, đường giao thông đi lại khó khăn, dễ bị cô lập. Vị trí: Tọa độ X là 1493291, tọa độ Y là 0462463.

16. Huyện Phú Thiện: Dọc sông Ba.

17. Thành phố Pleiku: Trong báo cáo không thống kê các vị trí xung yếu trên địa bàn./.

PHỤ LỤC 2
Tổng hợp số liệu phương án sơ tán dân

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
	I. AyunPa		**739**	**739**		**2 xe 25 chỗ, 12 xe 16 chỗ, 17 xe tải**
1	Phường Cheo Reo		45	45	Trụ sở UBND phường	1 xe 16 chỗ, 1 ô tô tải
2	Phường Hòa Bình		158	158	Trụ sở UBND phường và Trường THPT Lý Thường Kiệt	2 xe 25 chỗ, 4 xe ô tô tải
3	Phường Đoàn kết		264	264	Trường tiểu học Nay Der, Trường Mẫu giáo Bôn Ama Djương	5 xe 16 chỗ, 6 xe tải
4	Phường Sông Bờ		182	182	Trụ sở UBND phường, Trường THCS trần Hưng Đạo	4 xe 16 chỗ, 4 xe tải
5	Xã Ia Sao		50	50	Điểm Trường Mẫu giáo Bôn Hoang, xã Ia Sao	1 xe 16 chỗ, 1 xe tải
6	Xã Ia Rtô		40	40	Trụ sở UBND xã	1 xe 16 chỗ, 1 xe tải
	II. Ia Grai	**1.903**	**144**	**2.047**		
1	Xã Ia Sao	41		41	Nhà kiên cố các hộ dân trong làng và các địa điểm sơ tán tại phục lục số 2	Xe gắn máy và các phương tiện huy động tại phục lục số 4
2	Xã Ia Yok	17		17	Như trên	Như trên
3	Xã Ia Hrung	142		142	Như trên	Như trên
4	Xã Ia Bă	76		76	Như trên	Như trên
5	Xã Ia Pếch	72		72	Như trên	Như trên
6	Xã Ia Chía	386		386	Như trên	Như trên
7	Xã Ia O	60		60	Như trên	Như trên
8	Xã Ia Krái	410	144	554	Như trên	Như trên
9	Xã Ia Khai	100		100	Như trên	Như trên
10	Xã Ia Tô	380		380	Như trên	Như trên
11	Xã Ia Dêr	75		75	Như trên	Như trên
12	Xã Ia Grăng	14		14	Như trên	Như trên
13	Thị trấn Ia Kha	130		130	Như trên	Như trên

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
III. Đức Cơ		**1.150**	**1.200**	**2.350**		
1	Ia Krêl	120	500	620	- Trụ sở UBND xã Ia Krêl. - Nhà máy chế biến, Nhà làm việc Công ty 75…..	- Xe trên 29 chỗ 02 chiếc - Xe 16 chỗ 04 chiếc - Xe tải 05 chiếc
02	Ia Kriêng	250	700	950	- Bến xe Đức cơ, Trường Quang trung, trường nội trú, trường Nguyễn Văn Trỗi. - Nhà Làm việc UBND, hội trường, Nhà làm việc các ban ngành huyện. Nhà nghỉ Thủy Bá, Hồng Phương….	- Xe trên 29 chỗ 04 chiếc - Xe 16 chỗ 06 chiếc - Xe tải 03 chiếc - Xe ban ngành huyện 3 chiếc
03	Ia Lang	100		100	- Trụ sở UBND xã. - Các Trường học	- Cá nhân, hộ gia đình. - Cơ động bộ.
04	Ia Din	100		100	- Trụ sở UBND xã. - Các Trường học	- Cá nhân, hộ gia đình. - Cơ động bộ.
05	Ia Dơk	100		100	- Trụ sở UBND xã. - Các Trường học	- Cá nhân, hộ gia đình. - Cơ động bộ.
06	Ia Kla	100		100	- Trụ sở UBND xã. - Các Trường học	- Cá nhân, hộ gia đình. - Cơ động bộ.
07	Ia Dom	100		100	- Trụ sở UBND xã. - Các Trường học	- Cá nhân, hộ gia đình. - Cơ động bộ.
08	Ia Nan	100		100	- Trụ sở UBND xã. - Các Trường học	- Cá nhân, hộ gia đình. - Cơ động bộ.
09	Ia Pnôn	100		100	- Trụ sở UBND xã. - Các Trường học	- Cá nhân, hộ gia đình. - Cơ động bộ.
10	Chư Ty	80		80	- Trụ sở UBND xã. - Các Trường học	- Cá nhân, hộ gia đình. - Cơ động bộ.
IV. Đăk Pơ		**170**	**244**	**414**		
1	**Xã Ya Hội**					
	Làng Tờ Số	30		30	Nhà rông làng Tờ Số	
	Làng Bung	45		45	Nhà rông làng Bung	

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
	Làng mông 1		100	100	Trụ sở UBND xã Ya Hội	Ô tô
	Làng Groi	50		50	Nhà rông làng Groi	
2	**xã Phú An**					
	Khu dân cư ven sông Ba từ suối cái đến suối Tờ Đo		68	68	Trường Tiểu học Đống Đa	Ô tô
3	**Xã Tân An**			-		
	Thôn Tư Lương (Khu vực gần suối Thầu Dầu)		40	40	Trụ sở thôn Tư Lương	Ô tô
4	**xã Yang Bắc**					
	Làng Jun	30		30	Trường Mầm non làng Jun	
	Làng Đak Yang		36	36	Tường Tiểu học và Trung học cơ sở Đào Duy Từ	Ô tô
	Làng Klàh	15		15	Nhà rông làng Klàh	
	V.Chư Prông	**403**	**154**	**557**		
1	Xã Ia Lâu	101	27	128	Hội trường thôn và nhà dân	Đi bộ
2	Xã Ia Piơr	302	127	429	Trường học và hội trường thôn	Xe Công nông
	VI. Ia Pa		**8.130**	**8.130**		
1	Xã Ia Broăi		3.800	3.800		
			250	250	Xã Ia Rtô, TX. Ayun Pa	Xuồng cứu hộ của huyện, xã và Cấp trên hỗ trợ
			3.150	3.150	Điểm trườngTHPT Phan Chu Trinh.	Xuồng cứu hộ của huyện , xã và huy động xe ô tô trong dân
			400	400	Điểm trường THCS Trần Hưng Đạo, Phường Sông Bờ, TX Ayun Pa	Xuồng cứu hộ của huyện, xã và Cấp trên hỗ trợ
2	Xã Ia Trốk		3.400	3.400		
			1.200	1.200	Khu vực trường tiểu học Lê Hồng Phong, xã Ia Trốk (khu trung tâm)	Xuồng cứu hộ của huyện, xã và Cấp trên hỗ trợ

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
			220	220	Thôn Kơ Nia, xã Ia Trốk	Xuồng cứu hộ của huyện , xã và huy động xe ô tô trong dân
			430	430	Buôn Trốk, xã Ia Trốk	Xuồng cứu hộ của huyện , xã và huy động xe ô tô trong dân
			1.000	1.000	Điểm trường tiểu học Lê Hồng Phong, xã Ia Trốk (khu trung tâm)	Xuồng cứu hộ của huyện , xã và huy động xe ô tô trong dân
			550	550	Điểm trường tiểu học Lê Hồng Phong, xã Ia Trốk (điểm lẻ)	Xuồng cứu hộ của huyện , xã và huy động xe ô tô trong dân
3	Xã Ia Mrơn		930	930	Điểm trường THCS Phan Bội Châu, xã Ia Mrơn.	Xuồng cứu hộ của huyện và huy động xe ô tô trong dân
VII. Chư Sê		**9.129**		**9.129**		
1	AYun	1.363		1.363	Các Trường Dân tộc bán trú: THCS Phan Đăng Lưu, TH Lê Lợi và trụ sở UBND xã	Xe tải, bán tải, xe công nông và xe máy
2	Chư Pơng	38		38	Trường THPT Trường Chinh, thị trấn Chư Sê	Xe tải, công nông và xe máy
3	Ia Ko	860		860	Di dời sang các địa điểm gần nhất: các hộ dân, nhà sinh hoạt cộng đồng, trường học, trụ sở UBND xã	Xe tải, bán tải, xe công nông và xe máy
4	Kông HTok	612		612		
5	H'Bông	3.800		3.800		
6	AYun	624		624		
7	Bờ Ngoong	84		84		
8	Ia Pal	1.600		1.600		
9	Chư Pơng	148		148		
VIII.Chư Pưh			**996**	**996**		
1	Xã Ia Le		100	100		
-	Thôn 6		100	100	Trường Tiểu học Kim Đồng, thôn 6, xã Ia Le	Xe Ôtô, Xe Công nông
2	Xã Chư Don		398	398		
-	Làng Plei Ngăng		109	109	Nhà Văn hóa; Hội trường xã Chư Don	Xe Ôtô, Xe Công nông
-	Làng Plei Hlốp		289	289		

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
	IX. Kbang	**3.889**	**3.625**	**7.514**		
1	Thị trấn Kbang	400	645	1.045	- Trường THCS Lê Quý Đôn, diện tích 500 m^2 - Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, diện tích 1.000 m^2 - Trường Tiểu học làng Htang, diện tích 500 m^2 - Nhà văn hóa tổ dân phố 3, tổ dân phố 4, diện tích 1.500 m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
2	Xã Đông	504	200	704	- Trung tâm văn hóa xã Đông, diện tích 1.000 m^2. - Ủy ban nhân dân xã Đông, diện tích 2.000 m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
3	Xã Nghĩa An	450	500	950	- Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân, diện tích 2.000m^2 - Ủy ban nhân dân xã Nghĩa An và Trạm y tế xã, diện tích 2.000 m^2 - Trường THCS Lê Hồng Phong, diện tich 500 m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
4	Xã Đăk Hlơ	235	250	485	- Nhà văn hóa thôn 3, diện tích 500 m^2 - Trường THCS Ngô Mây, diện tích 1.000 m^2. - Ủy ban nhân dân xã Đăk Hlơ, diện tích 1.000 m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
5	Xã Kông Bờ La	250	200	450	- Ủy ban nhân dân xã Kông Bờ La, diện tích 2.000 m^2 - Trạm y tế xã, diện tích 500 m^2 - Khu vực sân bóng (sau lưng UBND xã), diện tích 3.000m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
6	Xã Kông Lơng Khơng	150	200	350	- Ủy ban nhân dân xã, diện tích 1.000 m^2 - Trường THPT Anh Hùng Núp, diện tích 3.500 m^2 - Nhà văn hóa xã, diện tích 1.000 m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
7	Xã Tơ Tung	150	200	350	- Ủy ban nhân dân xã Tơ Tung, diện tích 1.000 m^2 - Trung tâm y tế xã và trường mẫu giáo xã, diện tích 800 m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
8	Xã Lơ Ku	200	230	430	- Trạm y tế xã, Trường - Ủy ban nhân dân xã Lơ Ku, diện tích 1.000 m^2 - Trường tiểu học	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
9	Xã Krong	350	300	650	- Trường THPTDT bán trú xã, diện tích 1.000m^2 - Ủy ban nhân dân xã Krong, diện tích 1.000 m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
10	Xã Đăk Smar	300	100	400	- Ủy ban nhân dân xã Đăk Smar, diện tích 1.000 m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
11	Xã Sơ Pai	200	200	400	- Ủy ban nhân dân xã Sơ Pai, diện tích 1.000 m^2 - Khu vực sân bóng cũ	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
12	Xã Sơn Lang	150	200	350	- Ủy ban nhân dân xã Sơn Lang, khu vực sân bóng diện tích 3.000 m^2 - Trạm y tế xã Sơn Lang, diện tích 500 m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
13	Xã Đăk Roong	350	200	550	- Ủy ban nhân dân xã Đăk Rong, diện tích 1.000 m^2 - Lên vùng đồi cao	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
14	Xã KonPne	200	200	400	- Ủy ban nhân dân xã Kon Pne, diện tích 1.000 m^2 - Nhà văn hóa xã, diện tích 700 m^2	Chạy bộ, Xe máy, Ô tô
X. An Khê		**1.623**	**4.844**	**6.467**		
1	Xã Thành An	122	81	203	Nhà văn hóa thôn 3; Nhà văn hóa thôn 6	Ôtô tải nhỏ; xe khách
2	Xã Song An	36	23	59	UBND xã Song An; Trụ sở thôn văn hóa An Thượng 2	Ôtô tải nhỏ; xe khách
3	Xã Cửu An	48	20	68	Trường tiểu học Đỗ Trạc; UBND xã Cửu An	Ôtô tải nhỏ
4	Xã Xuân An	25	12	37	Chùa Bồ đề, thôn An Xuân 4	Ôtô tải nhỏ; xe khách
5	Xã Tú An	28	14	42	UBND xã Tú An	Ôtô tải nhỏ; xe khách
6	Phường An Bình	224	1.008	1.232	Trụ sở Tổ dân phố văn hóa 8; Trạm y tế phường An Bình; UBND phường An Bình	Ôtô tải nhỏ; xe khách
7	Phường Tây Sơn	608	2.736	3.344	Sân vận động thị xã An Khê; Chùa An Bình; UBND thị xã An Khê	Ôtô tải nhỏ; xe khách
8	Phường An Phú	140	630	770	Khu vực Hội trường 23/3; Trường THPT Nguyễn Khuyến	Ôtô tải nhỏ; xe khách
9	Phường An Tân	162	135	297	Trường THCS Trưng Vương	Ôtô tải nhỏ; xe khách
10	Phường Ngô Mây	202	171	373	UBND phường Ngô Mây; Trạm y tế phường Ngô Mây	Ôtô tải nhỏ; xe khách
11	Phường An Phước	28	14	42	Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Ôtô tải nhỏ; xe khách
XI. Đăk Đoa		**220**	**740**	**960**		
1	Đak Somei	20	40	60	Nhà văn hóa làng Đêa Droch, xã Đak Somei (60 người)	9 xe gồm:' + 4 xe tải tại địa phương + 5 xe ôto, xe tải thuộc phương tiện ứng cứu của lực lượng PCTT huyện

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
2	Hà Đông	200	700	900	-02 nhà rông tại làng Kon Nát (300 người) -01 nhà thờ tại làng Kon Nát (300 người) -UBND xã Hà Đông (300 người)	25 xe gồm:' + 15 xe tải tại địa phương + 10 xe otô, xe tải thuộc phương tiện ứng cứu của lực lượng PCTT huyện
XII. Mang Yang		**85**	**175**	**260**		
1	Xã Hra	10	25	35	Trường THCS H'ra; Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Kon Tu Dơng	Xe công nông, xe 16 chỗ
2	Xã Kon Thụp	15	20	35	Trường tiểu học Kon Thup; Trường THCS-THPT K'Pa K'Lơng	Xe công nông
3	Xã Đê Ar	20	50	70	Trường tiểu học Đê Ar; Trường THCS Đê Ar	Xe công nông
4	Xã Kon Chiêng	20	40	60	Trường tiểu học xã Kon Chiêng; Trường THCS xã Kon Chiêng	Xe công nông
5	Xã Đăk Trôi	20	40	60	Trường TH&THCS xã Đăk Trôi; Nhà Sinh hoạt cộng đồng các làng	Xe công nông
XIII. Chư Păh		**2.250**	**750**	**3.000**		
1	Thị trấn Phú Hòa	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
2	Thị trấn Ia Ly	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
3	Xã Nghĩa Hòa	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
4	Xã Ia Nhin	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
5	Xã Ia Ka	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
6	Xã Ia Mơ Nông	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
7	Xã Ia Kreng	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
8	Xã Ia Phí	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
9	Xã Ia Khươl	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
10	Xã Hòa Phú	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
11	Xã Đăk Tơ Ver	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
12	Xã Hà Tây	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
13	Xã Nghĩa Hưng	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
14	Xã Chư Đang Ya	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
13	Xã Chư Jôr	150	50	200	Trụ sở UBND, trường học	Xe máy, xe ô tô
XIV. Kông Chro		**976**	**1.449**	**2.425**		
1	Sơ Ró		374	374	UBND xã Sơ Ró	Xe tải, xe máy
2	Đăk Tpang		415	415	Trường TH&THCS Lê Lợi	Xe tải, xe máy
		175		175	Khu vực đồi cao gần làng Kpiêu	Đi bộ
3	Xã Đăk Kơ Ning	258		258	Nhà rông làng H'rách, Ya Ma Kur	Xe máy, đi bộ
4	Xã Đăk Pling	353		353	Khu vực đồi cao gần làng Brang	Đi bộ
5	Chư Krey	Các hộ dân nằm ở khu vực cao			Các nhà kiên cố gần khu vực xảy ra	Đi bộ
6	Xã Yang Trung	150		150	Nhà rông làng T'nang, UBND xã Yang Trung	Xe máy, đi bộ
			60	60	Nhà rông làng T'nang, UBND xã Yang Trung	Xe tải, xe máy
7	Thị trấn Kông Chro		350	350	UBND Thị trấn, Hội trường 15-9	Xe tải, xe máy
		40		40	Các hộ gia đình ở khu vực trên đồi cao	Đi bộ
8	Xã Yang Nam	Nước dâng cao, bị chia cắt			Không cho người qua lại	
9	Xã An Trung		250	250	UBND xã An Trung, Nhà rông làng Kia 1, Kia 2 bên trái sông Ba	Xe tải, xe máy
10	Xã Ya Ma	Nước dâng cao, bị chia cắt			Không cho người qua lại	
XV. Krông Pa		**1.245**	**4.857**	**6.102**		
1	Iar Sai khu vực 4 buôn: Pan, Puh, Chích, K'Ting	1.020	310	1.330	Buôn Chư tê; cách khu sạt lở 2km, Trường tiểu học 4 buôn IarSai	Xe máy, xe ô tô
2	Iar Siơm- Buôn Nu B bị ngập úng		605	605	Trường PTTH Nguyễn Du; Trụ sở UBND xã; cách buôn 1km	Xe máy, xe ô tô

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
3	Chư rcăm- Khu vực buôn Lang , Quỳnh Phụ 3 bị sạt lở		612	612	Trụ sở UBND xã; cách buôn 1km; Trường tiểu học Chư r căm cách 500m.	Xe máy, xe ô tô
4	Xã Uar: Khu vực Buôn Tieng; Buôn H'Ngô bị sạt lở	225	115	340	Di dời tại chỗ 225 khẩu tại Trường tiểu học buôn Tieng ; sơ tán 115 khẩu đến Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe ô tô
5	Chư gu: Khu vực buôn Nung bị ngập nước		35	35	Trường tiểu học Chu gu và Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe ô tô
6	IaM' Lah: 5 buôn , thôn Hòa mỹ Chính đơn 1, Chính đơn 2, Ơi Dik, Ơi Dăk vùng Hạ du Hồ Chứa nước IaM'Lah.		2.213	2.213	Đồi Chư Tác cách Buôn Ơi Dăk 1km và Trụ sở UBND xã và Trường PTCS Lê lợi cách 0,5 km	Xe máy, xe ô tô
7	Xã Phú Cần : Thôn Bình minh bị ngập do nước sông ba dâng cao		185	185	Trụ sở UBND xã; cách buôn 1km	Xe máy, xe ô tô
8	Xã IarMok: Buôn Nung sưu bị ngập do nước sông Ba dâng cao.		782	782	Trường PTTH Đinh tiên Hoàng và Trụ sở UBND xã Iadreh cách 1km	Xe máy, xe ô tô

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
9	Xã Krông Năng: Buôn Tối, Buôn Tang do nước sông ba dâng cao và điều tiết Lũ Thủy điện Krông H' Năng- Đăk Lăk.		756	Hướng sơ tán Buôn Tối là núi Chư M' Rố và núi Chư M' Ram cách buôn Tối 1 km. Hướng sơ tán buôn Tang đồi Chư loal Zú cách 01 km về hướng Đông nam.	Xe máy, xe ô tô	
	XVI. Pleiku	**700**	**300**	**1.000**		
1	Thống Nhất	200	-	200		Ô tô, xe máy (5 ô tô, 40 xe máy)
2	Hội Phú	300	-	300		Ô tô (8 chiếc), xe máy (60 xe)
3	An Phú	200	300	500	Một số tòa nhà cao tầng tại trung tâm thành phố (Khách sạn Hoàng Anh, Hội sở tập đoàn Quang Đức, Khách sạn Tre xanh)	10 xe ô tô, 80 xe máy
	XVII. Phú Thiện	**41.908**	**17.833**	**59.741**		

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
1	Xã Ayun Hạ	2.464	3.696	6.160	Nhà tổng A, Trụ sở UBND xã, Trường THCS Nguyễn Tri Phương và Trường THCS Quang Trung.	Xe máy, xe Công nông và các phương tiện Ô tô tải tại chỗ của người dân.
2	Xã Chư A Thai	2.203	2.362	4.565	Trường PTCS Nguyễn Bá Ngọc, Trường Tiểu học Nay Der, Trường Tiểu học Kim Đồng, Trụ Sở UBND xã và các điểm trường, nhà dân xây kiên cố trên địa bàn xã.	Xe máy, xe Công nông và các phương tiện Ô tô tải tại chỗ của người dân.
3	Xã Ia Ake	99	-	99	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Xe tải, xe công nông
4	Xã Ia Sol	8.129	270	8.399	Trường THCS Trương Vương; Trụ sở UBND xã và các nhà xây xây kiên cố có kết cấu 2 tầng.	Xe ô tô tải và xe công nông.
5	Xã Ia Piar	3.291	4.300	7.591	Trường PTTH Võ Văn Kiệt; Trụ sở UBND xã; Trường TH Nguyễn Trãi; Trường THCS Ngô Gia Tự và các nhà dân xây kiên cố có kết cấu 2 tầng.	Xe Ô tô Hoa Mai và xe công nông.
6	Xã Ia Peng	391	216	607	Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn; Trường TH Kpă Klơng; Trụ sở UBND xã và và các Phòng học, nhà dân xây kiên cố tại các thôn.	Xe máy, xe Công nông và các phương tiện Ô tô tải tại chỗ của người dân.
7	Xã Chrôh Ponan	1.250	1.590	2.840	Trụ sở UBND xã, các điểm trường xây kiên cố, các nhà dân xây kiên cố tại thôn Yên Phú 1B.	Xe máy, xe Công nông và các phương tiện Ô tô tải tại chỗ của người dân.
8	Xã Ia Hiao	4.250	2.899	7.149	Trường THCS Trường Chinh; Trường TH Trần Phú; Trường TH Anh Hùng Wừu; Trụ sở UBND xã.	Xe công nông và ô tô tải.
9	Xã Ia Yeng	200	640	840	Trường Tiểu học Anh Hùng Núp, Trường THCS Nguyễn Tất Thành, Trụ Sở UBND xã và các điểm trường, nhà dân xây kiên cố trên địa bàn xã.	Xe máy, xe Công nông và các phương tiện Ô tô tải tại chỗ của người dân.

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
10	Thị trấn Phú Thiện	19.631	1.860	21.491	Trường PTTH Trần Quốc Tuấn; Trường TH Chu Văn An; Trụ Sở UBND thị trấn và các cơ quan công sở, các nhà dân xây kiên cố có kết cấu 02 tầng trở lên trên địa bàn thị trấn.	Xe ô tô, xe công nông và các phương tiện ô tô tải khác.
Tổng		**65.651**	**46.180**	**111.831**		

PHỤ LỤC 2a
TỔNG HỢP ĐỊA ĐIỂM PHỤC VỤ SƠ TÁN DÂN

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
I		**Ayun Pa**			**1510**
1	Xã Ia Sao	Điểm Trường Mẫu giáo Bôn Hoang, xã Ia Sao và Trường THCS Lê Lợi	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng học	Đảm bảo sơ tán an toàn với thiên tai xảy ra	200
2	Xã Ia Rtô	Trụ sở UBND xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với thiên tai xảy ra	60
3	Phường Cheo Reo	Trụ sở UBND phường	Nhà 2 tầng gồm 20 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với thiên tai xảy ra	150
4	Phường Hòa Bình	Trụ sở UBND phường và Trường THPT Lý Thường Kiệt	Nhà 2 tầng gồm 20 phòng và Nhà 3 tầng 18 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với thiên tai xảy ra	300
5	Phường Đoàn Kết	Trường Tiểu học Nay Der, Trường Mẫu giáo Bôn Ama Djương	Nhà 2 tầng gồm 30 phòng học	Đảm bảo sơ tán an toàn với thiên tai xảy ra	500
6	Phường Sông Bờ	Trụ sở UBND phường, Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nhà 2 tầng gồm 16 phòng và 30 phòng học	Đảm bảo sơ tán an toàn với thiên tai xảy ra	300
II		**Ia Grai**			**9670**
1	Xã Ia Sao	Trường THCS Tôn Đức Thắng	- Nhà 2 tầng: 10 phòng - Nhà cấp 4: 8 phòng	Đảm bảo sơ tán án toàn với bão cấp 15 trở lên	400
		Trụ sở UBND xã	- Nhà 2 tầng: 16 phòng - Nhà cấp 4: 6 phòng	Đảm bảo sơ tán án toàn với bão cấp 15 trở lên	500
2	Xã Ia Yok	Trường THCS Phan Bội Châu	- Nhà 2 tầng: 10 phòng - Nhà cấp 4 8 phòng	Đảm bảo sơ tán án toàn với bão cấp 15 trở lên	400
		Trụ sở UBND xã Ia Yok	- Nhà 2 tầng: 14 phòng - Nhà cấp 4: 9 phòng	Đảm bảo sơ tán án toàn với bão cấp 15 trở lên	450
3	Xã Ia Ia Hrung	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	- Nhà 2 tầng: 10 phòng. - Nhà cấp 4: 9 phòng.	Đảm bảo sơ tán án toàn với bão cấp 15 trở lên	400
		Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	- Nhà 2 tầng: 10 phòng. - Nhà cấp 4: 10 phòng.	Đảm bảo sơ tán án toàn với bão cấp 15 trở lên	400

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
		Trụ sở UBND xã	- Nhà 2 tầng: 16 phòng - Nhà cấp 4: 11 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	600
4	Xã Ia Bă	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	- Nhà 2 tầng: 16 phòng.	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	350
		Trụ sở UBND xã Ia Bă	- Nhà 2 tầng: 11 phòng - Nhà cấp 4: 9 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	400
5	Xã Ia Pếch	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	- Nhà 2 tầng: 12 phòng - Nhà cấp 4: 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	400
		Trụ Sở UBND xã	- Nhà 2 tầng: 12 phòng - Nhà cấp 4: 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	500
6	Xã Ia Chía	Trường THCS Lê Hồng Phong	- Nhà 2 tầng: 6 phòng. - Nhà cấp 4: 10 phòng.	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	320
		Trụ sở UBND xã	- Nhà 2 tầng: 12 phòng - Nhà cấp 4: 14 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	550
7	Xã Ia O	Trường THCS Chu Văn An	- Nhà 2 tầng: 10 phòng - Nhà cấp 4: 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	400
		Trụ sở UBND xã	- Nhà 2 tầng: 10 phòng - Nhà cấp 4: 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	450
8	Xã Ia Krái	Trường THPT A Sanh	- Nhà 2 tầng: 14 phòng - Nhà cấp 4: 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	500
		Trụ sở UBND xã	- Nhà 2 tầng: 9 phòng - Nhà cấp 4: 9 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	350
9	Xã Ia Khai	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	- Nhà 2 tầng: 8 phòng. - Nhà cấp 4: 4 phòng.	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	300
		Trụ sở UBND xã	- Nhà 2 tầng: 14 phòng - Nhà cấp 4: 11 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	500
10	Xã Ia Tô	Trường THCS Nguyễn Du	- Nhà 2 tầng: 10 phòng - Nhà cấp 4: 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	400
11	Xã Ia Dêr	Trụ sở UBND xã	- Nhà 2 tầng: 12 phòng - Nhà cấp 4: 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	400
		Trường THCS Phan Đình Phùng	- Nhà 2 tầng: 8 phòng. - Nhà cấp 4: 5 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	300

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
12	Xã Ia Grăng	Trụ sở UBND xã Ia Grăng	- Nhà 2 tầng: 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	400
			- Nhà cấp 4: 11 phòng		

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
III		**Đức Cơ**			**5700-11000**
1	Ia Krêl	Thôn Gia Lâm	Nhà 02 tầng, 08 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão mạnh	1.000 - 1.500
		Thôn Thanh Tân	Nhà CT 75; 02 tầng 24 phòng.	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	
		Thôn Thanh giáo	Nhà kho, nhà máy chê biến	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	
2	Ia Kriêng	TDP 9/ Chư Ty	Bến xe Đức Cơ	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão mạnh	3.000 - 5.500
			Trường Quang Trung 02 tầng 28 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	
		TDP 2/ Chư Ty	Hội trường, trụ sở UBND huyện và Ban, ngành huyện	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	
			02 tầng 45 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	
		TPD 5/ Chư Ty	Trụ sở Huyện ủy, Trường Lê Hoàn, Trường Nội trú;02 tầng 60 phòng		
		TDP 8/ Chư Ty	Trụ sở Ban CHQS huyện, UBND thị trấn, Nhà nghỉ Hồng Phương, Thủy Bá; 02 tầng; 38 phòng		
3	3 xã Biên giới	Làng Ó/ Ia Dom	Trường PHTH nguyễn Trường Tộ; Nhà 02 tầng; 18 phòng; Nhà CT 72; Nhà 02 tầng, 20 phòng.	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	500 - 1.000
4	Xã Ia Kla, thị trấn Chư Ty	TDP 7/ Chư Ty	Trụ sở Công an huyện; 03 tầng; 25 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	500 - 1.500
		Thôn Ia Tang/ Ia Kla	Nhà CT 74; 02 tầng, 20 phòng.		
		Làng Sung Kắt	Trụ sở UBND xã,TT Nhà 02 tầng; 12 phòng		
5	Xã Ia Dơk, Ia Din, Ia Lang		Trụ sở UBND xã, Các trường học	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão mạnh.	700 - 1.500
IV		**Đăk Pơ**			**720**
1	Xã Ya Hội				
1.1	Làng Tờ Số	Nhà rông làng Tờ Số	Diện tích 1000 m2	Đảm bảo an toàn	50
1.2	Làng Bung	Nhà rông làng Bung	Diện tích 1000 m2	Đảm bảo an toàn	50
1.3	Làng mông I	Trụ sở UBND xã Ya Hội	Nhà 2 tầng gồm 9 phòng	Đảm bảo an toàn	120

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
1.4	Làng Groi	Nhà rông làng Groi	Diện tích 1000 m2	Đảm bảo an toàn	50
2	Xã Phú An	Trường Tiểu học Đống Đa	Nhà 2 tầng gồm 20 phòng	Đảm bảo an toàn	200
2,1	Thôn An Phú	Trường THCS Phan Bội Châu	Nhà 2 tầng gồm 22 phòng	Đảm bảo an toàn	220
2,2	Thôn An Qúy	Trường THCS Phan Bội Châu	Nhà 2 tầng gồm 22 phòng	Đảm bảo an toàn	220
3	Xã Tân An	Trụ sở thôn Tư Lương	Nhà trệt 01 phòng	Đảm bảo an toàn	50
4	Xã Yang Bắc				
4.1	Làng Jun	Trường Mầm non làng Jun	Nhà trệt 01 phòng	Đảm bảo an toàn	50
4.2	Làng Đak Yang	Tường Tiểu học và Trung học cơ sở Đào Duy Từ	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo an toàn	100
4.3	Làng Klàh	Nhà rông làng Klàh	Diện tích 1000 m2	Đảm bảo an toàn	50
V	**Chư Prông**				**680**
1	Xã Ia Lâu	Hội trường thôn Cao Lạng	Nhà ván, lợp ngói, rộng 120 m^2	Bảo đảm an toàn sơ tán cho bão cấp 10	70
		Nhà dân thôn Phố Hiến	Nhà xây kiểu thái, rộng 120 m^2	Bảo đảm an toàn sơ tán cho bão cấp 15	70
2	Xã Ia Piơr	Hội trường Làng Piơr 1	Nhà xây kiểu thái, rộng 120 m^2	Bảo đảm an toàn sơ tán cho bão cấp 15	70
		Trường học thôn Thanh Bình	Nhà xây cấp 4, lợp tôn, rộng 120 m^2	Bảo đảm an toàn sơ tán cho bão cấp 12	70
		Hội trường thôn Yên Bình	Nhà xây cấp 4, lợp tôn, rộng 180 m^2	Bảo đảm an toàn sơ tán cho bão cấp 12	100
		Trường học thôn Đoàn kết	Nhà xây cấp 4, lợp tôn, rộng 240 m^2	Bảo đảm an toàn sơ tán cho bão cấp 12	150
		Hội trường thôn khu vực 972	Nhà xây kiểu thái, rộng 120 m^2	Bảo đảm an toàn sơ tán cho bão cấp 12	150
VI	**Ia Pa**				**8130**
1	Xã Ia Broăi	1- Điểm trườngTHPT Phan Chu Trinh, xã Ia Tul và UBND xã Ia Tul	Nhà trệt và 01 tầng gồm 35 phòng	Nhà mới xây dựng ở khu vực cao, không bị ngập nước.	3150
		2- UBND xã Ia Rtô và điểm trường THCS Ia Rtô, TX. Ayun Pa	Nhà 01 tầng gồm 25 phòng	Nhà mới xây dựng ở khu vực cao, không bị ngập nước.	250
		3- Phường Sông Bờ, TX. Ayun Pa	Nhà 2 tầng 20 phòng	Nhà mới xây dựng ở khu vực cao, không bị ngập nước.	400

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
2	Xã Ia Trốk	1- Điểm trường tiểu học Lê Hồng Phong, xã Ia Trốk (khu trung tâm)	Nhà 01 tầng gồm 16 phòng	Nhà mới xây dựng ở khu vực cao, không bị ngập nước.	2200
		2- Điểm trường tiểu học Lê Hồng Phong, xã Ia Trốk (điểm lẻ)	Nhà trệt 02 phòng	Nhà mới xây dựng ở khu vực cao, không bị ngập nước.	550
		3- Thôn Kơ Nia, xã Ia Trốk	Nhà sàn trong dân	Nhà mới xây dựng ở khu vực cao, không bị ngập nước.	220
		4- Buôn Trốk, xã Ia Trốk.	Nhà sàn trong dân	Nhà mới xây dựng ở khu vực cao, không bị ngập nước.	430
3	Xã Ia Mrơn	Điểm trường THCS Phan Bội Châu	Nhà tầng gồm 16 phòng	Nhà mới xây dựng ở khu vực cao, không bị ngập nước.	930
VII	**Chư Sê**				**9.129**
1	AYun	Tại các làng: D lâm, Hrung răng 1, Hrung răng 2, Hvăk 1, Hvăk 2	Có 33 phòng học của 02 Trường và 12 phòng của trụ sở UBND xã nhà cấp bốn được xây kiên cố	Nhà cấp 4, xây kiên cố	1.363
2	Chư Pơng	Trường THPT Trường Chinh, thị trấn Chư Sê.	Nhà xây kiên cố	Nhà tầng	38
3	Ia Ko	Tại các địa điểm gần nhất: các hộ dân, nhà sinh hoạt cộng đồng, trường học, trụ sở UBND xã		Nhà xây kiên cố từ cấp 4 trở lên	860
4	Kông HTok				612
5	H'Bông				3800
6	AYun				624
7	Bờ Ngoong				84
8	Ia Pal				1600
9	Chư Pơng				148
VIII	**Chư Pưh**				**498**
1	Xã Ia Le	Trường Tiểu học Kim Đồng	Công trình cấp III, 02 tầng, kết cấu chịu lực bằng dầm BTCT, Tường xây gạch mái lợp tôn, nền lát gạch men diện tích 520 m2 gồm 11 Phòng	Đảm bảo	
2	Xã Chư Don	Nhà văn hóa xã và nhà trực của Dân quân xã Chư Don	Công trình cấp IV, kết cấu chịu lực bằng dầm BTCT, Tường xâz gạc,h mái lợp tôn, nền lát gạch men diện tích 368 m2	Đảm bảo	
IX	**Kbang**				
I	**Lũ quét, ngập lụt do xả lũ, ngập lụt do mưa lớn**				

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
1	**Xã Nghĩa An**				
1.1	Thôn 2	Nhà đa năng trường THCS Lê Hồng Phong	01 phòng bán kiên cố, diện tích 250m2	Đảm bảo	300
1.2	Thôn 4	Nhà văn hóa thôn 4	01 phòng bán kiên cố, diện tích 130m2	Đảm bảo	120
1.3	Làng Kuao	Nhà văn hóa làng Kuao	1 phòng bán kiên cố, diện tích 90m2	Đảm bảo	90
1.4	Làng Lơk	Nhà đa năng trường THCS Lê Hồng Phong	01 phòng bán kiên cố, diện tích 250m2	Đảm bảo	300
1.5	Thôn 5	Trường mẫu giáo xã Nghĩa An	04 phòng, diện tích 50m2/phòng	Đảm bảo	102
2	**Xã Đăk Hlơ**				
2.1	Thôn 1	Nhà văn hóa xã	01 nhà bán kiên cố, diện tích 1.000 m2	Đảm bảo	250
2.2	Thôn 2				
2.3	Thôn 3	Nhà văn hóa thôn 3	01 phòng bán kiên cố, diện tích 100 m2	Đảm bảo	100
2.4	Thôn 4	Nhà văn hóa thôn 4	01 phòng bán kiên cố, diện tích 100 m2	Đảm bảo	50
2.5	Thôn 6	Nhà văn hóa thôn 6	01 phòng bán kiên cố, diện tích 100 m2	Đảm bảo	30
3	**Xã Sơ Pai**				
3.1	Thôn 1	Nhà văn hoá thôn 1	01 phòng bán kiên cố, diện tích 102 m2	Đảm bảo	50
3.2	Thôn 5	Nhà văn hoá thôn 5	01 phòng bán kiên cố, diện tích 102 m2	Đảm bảo	50
4	**Xã Lơ Ku**				
4.1	Thôn 1, thôn 2 dọc theo suối Tơ Kân	Nhà văn hoá thôn 1, thôn 2 Điểm trường tiểu học Lơ Ku	Diện tích 150m2 02 phòng học, diện tích 50m2/phòng	Đảm bảo	100 100
4.2	Làng Tơ Tưng, Tơ Pơng	Nhà rông làng Tơ Tưng, Tơ Pơng Điểm trường mẫu giáo Lơ Ku	Diện tích 100m2 02 phòng học, diện tích 50m2/phòng	Đảm bảo	100 100
4.3	Làng Drang	Nhà rông làng Drang	Diện tích 100m2	Đảm bảo	100
5	**Xã Kông Lơng Khơng**				
5.1	Làng Mơ Tôn	Trường THCS Kông Lơng Khơng và Trường Tiểu học Kông Lơng Khơng	12 phòng, diện tích 48m2/phòng	Đảm bảo	200
5.2	Thôn Hbang		10 phòng, diện tích 36,6m2	Đảm bảo	100
5.3	Làng Kdâu				
6	**Xã Tơ Tung**				

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
6.1	Thôn 1	BQL RPH xã Nam	3 phòng, diện tích 30m2/phòng	Đảm bảo	50
6.2	Làng Cao Lang	Trường THCS Tơ Tung	3 phòng, diện tích 48m2/phòng	Đảm bảo	70
6.3	Làng Long Khong	Trường TH Hoàng Hoa Thám	6 phòng học, diện tích 48m2/phòng	Đảm bảo	80
6.4	Làng suối Lơ	Trường TH Hoàng Hoa Thám	6 phòng học, diện tích 48m2/phòng	Đảm bảo	80
7	**Xã Đông**				
7.1	Thôn 7	Nhà văn hoá thôn7	1 phòng bán kiên cố, diện tích 200m2	Đảm bảo	150
7.2	Thôn 8	Nhà văn hoá thôn 8	1 phòng bán kiên cố, diện tích 200m2	Đảm bảo	150
7.3	Thôn9	Nhà văn hoá làng Đăk Giang II	1 phòng bán kiên cố, diện tích 200m2	Đảm bảo	150
8	**Xã Krong**				
8.1	Làng Sing	Sân vận động xã		Đảm bảo	10
8.2	Làng Tơ Lăng	Sân vận động xã		Đảm bảo	282
8.3	Làng Tung	Sân vận động xã		Đảm bảo	390
8.4	Làng Gút	Sân vận động xã		Đảm bảo	364
8.5	Làng Vir	Sân vận động xã		Đảm bảo	189
8.6	Làng Pơ drang	Sân vận động xã		Đảm bảo	321
8.7	Làng Tơ Leng	Sân vận động xã		Đảm bảo	186
9	**Xã Kông Bờ La**				
9.1	Làng Lợt	Nhà rông làng Lợt	Nhà thiếu kiên cố, diện tích 80 m2	Đảm bảo	50
9.2	Làng Groi	Nhà rông làng Groi	Nhà thiếu kiên cố, diện tích 80 m2	Đảm bảo	40
9.3	Thôn Kơ Xum	Nhà văn hóa thôn	Nhà bán kiên cố, diện tích 90 m2	Đảm bảo	30
10	**Xã Đăk Rong**				
10.1	Làng Đăk Hro	- Nhà văn hóa làng Đăk Hro - Điểm trường MG làng Đăk Hro	- 01 phòng học bán kiên cố, diện tích 50m2	Đảm bảo	100
10.2	Làng Kon Bông 1	Nhà văn hóa làng Kon Bông 1	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 100m2	Đảm bảo	239
10.3	Làng Kon Bông 2	Nhà văn hóa làng Kon Bông 2	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 100m2	Đảm bảo	198

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
10.4	Làng Kon Lanh 2	Nhà văn hóa thôn Suối U	- Nhà bán kiên cố, diện tích 100m2	Đảm bảo	50
II	**Sạt lở đất**				
1	**Thị trấn Kbang**				
1.1	đồi thông TDP 15	Nhà văn hóa TDP 15	01 phòng bán kiên cố	Đảm bảo	40
1.2	Suối Đăk Lốp	Nhà văn hóa làng Nak	01 thiếu kiên cố	Đảm bảo	20
1.3	sông Ba (TDP 21)	Nhà văn hóa TDP 21	01 phòng bán kiên cố	Đảm bảo	10
2	**Xã Đăk Hlơ**				
2.1	Thôn 2	Nhà văn hóa xã	01 phòng bán kiên cố, diện tích 1.000 m2	Đảm bảo	20
2.2	Thôn 3	Nhà văn hóa thôn 3	01 phòng bán kiên cố, diện tích 100 m2	Đảm bảo	20
2.3	Thôn 4	Nhà văn hóa thôn 4	01 phòng bán kiên cố, diện tích 100 m2	Đảm bảo	20
2.4	Thôn 6	Nhà văn hóa thôn 6	01 phòng bán kiên cố, diện tích 100 m2	Đảm bảo	25
3	**Xã Lơ Ku**				
3.1	Làng Chơch	Nhà văn hoá làng Chơch	diện tích 100m2	Đảm bảo	100
4	**Xã Kông Bờ La**				
4.1	Làng Lợt	Nhà rông làng Lợt	Nhà thiếu kiên cố, diện tích 80m2	Đảm bảo	40
5	**Xã Đăk Rong**				
5.1	Làng Hà Đừng 2	Nhà rông làng Hà Đừng 2	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	Đảm bảo	265
5.2	Làng Đăk Trum	Nhà rông làng Đăk Trum	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	Đảm bảo	364
5.3	Làng Kon Trang 1	Nhà rông làng Kon Trang 1	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	Đảm bảo	119
5.4	Làng Kon Trang 2	Nhà rông làng Kon Trang 2	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50m2	Đảm bảo	167
5.5	Làng Kon Von 1	Nhà rông làng Kon Von 1	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	Đảm bảo	228
5.6	Làng Kon Lốc 2	Nhà rông làng Kon Lốc 2	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	Đảm bảo	189

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
5.7	4 làng Đăk Hro	Nhà rông làng Đăk Hro	Nhà thiếu kiên cố, diện tích 100m2	Đảm bảo	358
III	**bão**				
	1 Xã Nghĩa An				
1.1	Thôn 1	Nhà văn hóa thôn 1	01 phòng bán kiên cố, diện tích 130 m2	Đảm bảo	100
1.2	Thôn 2	Nhà văn hóa thôn 2	01 phòng bán kiên cố, diện tích 130 m2	Đảm bảo	150
1.3	Thôn 3	Nhà văn hóa thôn 3	01 phòng bán kiên cố, diện tích 130 m2	Đảm bảo	130
1.4	Thôn 4	Nhà văn hóa thôn 4	01 phòng bán kiên cố, diện tích 130 m2	Đảm bảo	120
1.5	Thôn 5	Nhà văn hóa thôn 5	01 phòng bán kiên cố, diện tích 110 m2	Đảm bảo	102
1.6	Làng Lơk	Nhà văn hóa làng Lơk	01 phòng bán kiên cố, diện tích 150 m2	Đảm bảo	100
1.7	Làng Kuao	Nhà văn hóa làng Kuao	01 phòng bán kiên cố, diện tích 90 m2	Đảm bảo	90
IV	**Lốc xoáy, mưa đá, sấm sét**				
	1 Xã Nghĩa An				
1.1	Thôn 1	Nhà văn hóa thôn 1	01 phòng bán kiên cố, diện tích 130 m2	Đảm bảo	100
1.2	Thôn 2	Nhà văn hóa thôn 2	01 phòng bán kiên cố, diện tích 130 m2	Đảm bảo	150
1.3	Thôn 3	Nhà văn hóa thôn 3	01 phòng bán kiên cố, diện tích 130 m2	Đảm bảo	150
1.4	Làng Lơk	Nhà văn hóa làng Lơk	01 phòng bán kiên cố, diện tích 150 m2	Đảm bảo	90
	2 Xã Đăk Hlơ				
2.1	7/7 thôn, làng	- Trường THCS Ngô Mây - Nhà văn hóa xã	- 01 phòng bán kiên cố, diện tích 1.000 m2	Đảm bảo	250
	3 Xã Sơ Pai				
3.1	Thôn 5	Nhà văn hoá thôn 5	01 phòng bán kiên cố, diện tích 102 m2	Đảm bảo	90

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
3.2	Làng Buôn Lưới	Điểm trường làng Buôn Lưới	3 phòng học, diện tích 40m2/phòng	Đảm bảo	100
3.3	Làng Tơ Kơr	Nhà văn hoá xã	01 phòng bán kiên cố, diện tích 140 m2	Đảm bảo	130
4	**Xã Lơ Ku**				
4.1	Pơng	Nhà rông làng Tơ Tưng, Tơ Pơng	Diện tích 100 m2	Đảm bảo	100
5	**Xã Tơ Tung**				
5.1	Làng Đầm	Trường TH Hoàng Hoa Thám	6 phòng học, diện tích 48m2/phòng	Đảm bảo	10
5.2	Làng Lơng Khơng	Trường TH Hoàng Hoa Thám	6 phòng học, diện tích 48m2/phòng	Đảm bảo	130
6	**Xã Đông**				
6.1	Thôn 10	Điểm trường thôn 10	1 phòng bán kiên cố, diện tích 150m2	Đảm bảo	100
6.2	Làng Bróch	Nhà văn hoá làng Bróch	2 phòng bán kiên cố, diện tích 150m2/phòng	Đảm bảo	200
7	**Xã Kông Bờ La**				
7.1	Thôn Jlao	Nhà văn hóa thôn Jlao	Nhà bán kiên cố, diện tích 90m2	Đảm bảo	40
7.2	Thôn tuchrăn	Nhà văn hóa thôn Tuchrăn	Nhà bán kiên cố, diện tích 90m2	Đảm bảo	60
7.3	Làng Lợt	Nhà rông làng Lợt	Nhà thiếu kiên cố, diện tích 80m2	Đảm bảo	40
7.4	Làng Groi	Nhà rông làng Groi	Nhà thiếu kiên cố, diện tích 80m2	Đảm bảo	40
7.5	Làng Briêng	Nhà rông làng Briêng	Nhà thiếu kiên cố, diện tích 80m2	Đảm bảo	50
8	**Xã Sơn Lang**				
8.1	Làng Srắt	Điểm trường mẫu giáo làng	1 phòng bán kiên cố, diện tích 48m2	Đảm bảo	50
8.2	Làng Đăk Asêl	Điểm trường mẫu giáo làng	1 phòng bán kiên cố, diện tích 48m2	Đảm bảo	50
9	**Xã Đăk Rong**				
9.1	Làng Hà Đừng 2	Nhà rông làng Hà Đừng 2	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	Đảm bảo	265

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
9.2	Làng Kon Trang 1	Nhà rông làng Kon Trang 1	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	Đảm bảo	119
9.3	Làng Kon Trang 2	Nhà rông làng Kon Trang 2	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50m2	Đảm bảo	167
9.4	Làng Kon Lanh Te	Nhà rông làng Kon Lanh Te	- Nhà bán kiên cố, diện tích 100m2	Đảm bảo	258
9.5	Làng Kon Lanh 1	Nhà văn hóa thôn Suối U	- Nhà bán kiên cố, diện tích 100m2	Đảm bảo	353
9.6	Làng Kon Lanh 2	Nhà văn hóa thôn Suối U	- Nhà bán kiên cố, diện tích 100m2	Đảm bảo	209
9.7	Làng Kon Von 1	Nhà rông làng Kon Von 1	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	Đảm bảo	228
9.8	Làng Kon Von 2	Nhà rông làng Kon Von 2	- Nhà thiếu kiên cố, diện tích 50 m2	Đảm bảo	207
X			**An Khê**		
1	Xã Thành An	Nhà văn hóa thôn 3; Nhà văn hóa thôn 6	Nhà cấp IV; diện tích 400m2; Nhà cấp IV; diện tích 400m2	Đảm bảo	12 (hộ gia đình)
2	Xã Song An	UBND xã Song An; Trụ sở thôn văn hóa An Thượng 2	Nhà kiên cố 02 tầng; diện tích 200m2 ; Nhà cấp IV; diện tích 1.000m2	Đảm bảo	10 (hộ gia đình)
3	Xã Cửu An	Trường tiểu học Đỗ Trạc; UBND xã Cửu An	Nhà cấp IV; diện tích 1.000m2; Nhà kiên cố 02 tầng; diện tích 200m2	Đảm bảo	17 (hộ gia đình)
4	Xã Xuân An	Trường Tiểu học Kim Đồng, xã Xuân An	Nhà cấp IV; diện tích 1.500m2	Đảm bảo	10 (hộ gia đình)
5	Xã Tú An	UBND xã Tú An	Nhà kiên cố 02 tầng; diện tích 200m2	Đảm bảo	14 (hộ gia đình)
6	Phường An Bình	Trụ sở Tổ dân phố văn hóa 8; Trạm y tế phường An Bình; UBND phường An Bình	Nhà cấp IV; diện tích 2.000m2 Nhà cấp IV; diện tích 3.000m2 Nhà cấp IV; diện tích 1.500m2	Đảm bảo	48 (hộ gia đình)
7	Phường Tây Sơn	Trường Tiểu học Lê Lợi Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Diện tích 12.580 m2 Nhà kiên cố; Diện tích 11.667 m2	Đảm bảo	40 (hộ gia đình)
8	Phường An Phú	Trường tiểu học Ngô Mây Trường Trung cấp nghề An Khê	Diện tích 1.000m2 / Diện tích 1.500m2	Đảm bảo	24 (hộ gia đình)

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
9	Phường An Tân	Trường THCS Trưng Vương	Diện tích 1.000m2	Đảm bảo	10 (hộ gia đình)
10	Phường Ngô Mây	UBND phường Ngô Mây; Trạm y tế phường Ngô Mây	Diện tích 1.000m2 / Diện tích 800m2	Đảm bảo	24 (hộ gia đình)
11	Phường An Phước	Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Diện tích 1.000m2	Đảm bảo	12 (hộ gia đình)
XI	**Đăk Đoa**				**960**
1	Đak Sơmei	Nhà văn hóa làng Đêa Droch, xã Đak Sơmei	Rộng 100m2	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	60
2	Hà Đông	-02 nhà rông tại làng Kon Nát -01 nhà thờ tại làng Kon Nát -UBND xã Hà Đông	-02 nhà rông tại làng Kon Nát (200m2) -01 nhà thờ tại làng Kon Nát (50m2) - Trụ sở UBND xã Hà Đông - 02 tầng gồm 15 phòng và 02 hội trường (BTCT)	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	900
XII	**Mang Yang**				**3300**
1	Xã Hra	Trường THCS H'ra	Trường cấp IV, xây kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	500
		à sinh hoạt cộng đồng làng Kon Tu D	Nhà cấp IV, xây kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	50
2	Xã Kon Thụp	Trường tiểu học Kon Thup	Trường cấp IV, xây kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	200
		Trường THCS-THPT K'Pa K'Lơng	Trường cấp IV, xây kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	500
3	Xã Đê Ar	Trường tiểu học Đê Ar	Trường cấp IV, xây kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	250
		Trường THCS Đê Ar	Trường cấp IV, xây kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	400
4	Xã Kon Chiêng	Trường tiểu học xã Kon Chiêng	Trường cấp IV, xây kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	300
		Trường THCS xã Kon Chiêng	Trường cấp IV, xây kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	500
5	Xã Đăk Trôi	Trường TH&THCS xã Đăk Trôi	Trường cấp IV, xây kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	500
		Nhà Sinh hoạt cộng đồng các làng	Nhà cấp IV xây kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	100

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
XIII		**Chư Păh**			**24000**
1	Thị trấn Phú Hòa	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 3	Nhà 02 tầng, 20 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
2	Thị trấn Ia Ly	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 3	Nhà 02 tầng, 20 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
3	Xã Nghĩa Hòa	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
4	Xã Ia Nhin	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
5	Xã Ia Ka	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
6	Xã Ia Mơ Nông	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2		Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
7	Xã Ia Kreng	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 03 tầng, 20 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
8	Xã Ia Phí	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà trệt, 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
9	Xã Ia Khươl	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
10	Xã Hòa Phú	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
11	Xã Đăk Tơ Ver	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 16 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
12	Xã Hà Tây	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà trệt, 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
13	Xã Nghĩa Hưng	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
14	Xã Chư Đang Ya	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 16 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
15	Xã Chư Jôr	- Trụ sở HĐND-UBND	Nhà 02 tầng, 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	600
		- Trường cấp 2	Nhà 02 tầng, 15 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 8 trở lên	1000
XIV	**Kông Chro**				**2860**
1	Sơ Ró	UBND xã Sơ Ró	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Tốt	450
2	Đăk Tpang	Trường TH&THCS Lê Lợi	12 phòng học	Tốt	450
		Khu vực đồi cao gần làng Kpiêu	Làm nhà bạt ở tạm	Tạm ổn	200
3	Xã Đăk Kơ Ning	Nhà rông làng H'rách, Ya Ma Kur	Nhà cột gỗ, sàn gỗ 50m2	Tốt	300
4	Xã Đăk Pling	Khu vực đồi cao gần làng Brang	Làm nhà bạt ở tạm	Tạm ổn	400
5	Chư Krey	Các nhà kiên cố gần khu vực xảy ra	Nhà xây Cấp 4 kiên cố	Tốt	

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
6	Xã Yang Trung	Nhà rông làng T'nang, UBND xã Yang Trung	Trụ sở UBND Yang Trung 2 tầng gồm 10 phòng làm việc, nhà rông làng T'nang trụ gỗ, sàn gỗ rộng 50 m2	Tốt	150
7	Thị trấn Kông Chro	UBND Thị trấn, Hội trường 15-9	UBND Thị trấn 3 tầng gồm hội trường và 12 phòng làm việc, Hội trường 15-9 rộng 300 m2	Tốt	60
		Các hộ gia đình ở khu vực trên đồi cao	Nhà cấp 4 kiên cố	Tốt	500
8	Xã An Trung	UBND xã An Trung, Nhà rông làng Kia 1, Kia 2 bên trái sông Ba	UBND xã An Trung 3 tầng gồm hội trường và nhà rông làng Kia1, Kia2 rộng 50m2	Tốt	350
10	Xã Ya Ma				
XV			**Krông Pa**		**6858**
1	Iar Sai	Iar Sai khu vực 4 buôn: Pan, Puh, Chích, K'Ting	- Nhà 2 tầng, 8 phòng học.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên.	1000
		- Trường THCS Iar Sai.	- Nhà 2 tầng, 12 phòng học.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên	330
2	Iar Siơm	- Trường PTTH Nguyễn Du.	- 3 khu Nhà 2 tầng, 15 phòng học.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên.	300
		- Trụ sở UBND xã nhà 2 tầng .	- Nhà 2 tầng 14 phòng	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió bão cấp 15 trở lên.	305
3	Chư rcăm	- Trường tiểu học Chư rcăm.	2 khu Nhà 2 tầng, 15 phòng học.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên.	300
		- Trụ sở UBND xã.	- Nhà 2 tầng 14 phòng	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên.	312
4	Uar	- Trường tiểu học buôn Tieng Xã Uar .	- 3 khu Nhà 2 tầng, 15 phòng học.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên.	225
		- Trụ sở UBND xã.	- Trụ sở UBND xã, trệt 12 phòng.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên.	115
5	Chư Gu	Trường tiểu học Chư gu	- 2 khu Nhà 2 tầng, 12 phòng học.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên	35
6	Phú Cần	#NAME?	- Nhà 2 tầng, 8 phòng học.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên.	185
		- Trụ sở UBND xã.	- Trụ sở UBND xã 2 tầng, trệt 21 phòng.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên	

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
7	IaM'Lah	- Trường PTCS	- 2 Nhà 2 tầng, 24 phòng học.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên.	2213
		- Trụ sở UBND xã.	- Trụ sở UBND xã 2 tầng, trệt 10 phòng.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên	
8	Iar Mok	- Trường PTTH Đinh tiên Hoàng.	- 2 khu Nhà 2 tầng, 12 phòng học.	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên.	782
		- Trụ sở UBND xã Iadreh.	- Nhà 2 tầng 20n phòng	- Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 15 trở lên	
9	Krông năng		- Đồi Chư M' Rố và Chư M' Ram cách buôn Tối 1 km.	- Nhà bạt, Bạt Đảm bảo sơ tán dân an toàn gió cấp 13	756
			- Hướng sơ tán buôn Tang đồi Chư loal Zú cách 01 km về hướng Đông nam		
XVI	**Thành phố Pleiku**				**5950**
1		Trụ sở tập đoàn Đức Long Gia Lai	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	200
2		Nhà sách Fahasa	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
3		Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	300
3		Khách sạn Tre Xanh	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	300
4		Khách sạn Sê San	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	200
5		Khách sạn Pleiku	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	200
6		Nhà khách công đoàn	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
7		Trường Cao đẳng Gia Lai	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	300
8		Trường THPH Lê Lợi	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	200
9		Hội sở tập đoàn Quang Đức	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	200
10		Ngân hàng đầu tư và phát triển	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
11		Ngân Hàng Mbank	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
12		Ngân Hàng ngoại thương	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
13		Ngân Hàng Đông Á	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
14		Ngân hàng MHB	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
15		Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	300
16		Bệnh viện tỉnh	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	300
17		Trường Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	200
18		Trường Cao đẳng nghề Gia Lai	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	200
19		Trường chính trị tỉnh	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
20		Trường THPH Pleiku	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	300
21		Trường THPT chuyên Hùng Vương	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	300
22		Cục Dự trữ	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
23		Bảo hiểm xã hội tỉnh	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
24		Tỉnh Đoàn	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
25		Cục thuế tỉnh	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
26		Viện Kiểm soát	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
27		Đài phát thành truyền hình tỉnh	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	200
28		Tòa án nhân nhân tỉnh	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến (người)
29		Công ty sổ số kiến thiết	Công trình cấp 2 trở lên	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 15 trở lên	150
XVII	**Huyện Phú Thiện**				**7250-9100**
1	Xã Ayun Hạ	Nhà tổng A; Trụ sở UBND xã; Trường TH Nguyễn Tri Phương; Trường THCS Quang Trung.	Nhà kết cấu 2-3 tầng và có từ 08-14 phòng.	Đảm bảo sơ tán án toàn với bão cấp 8 trở lên	800-1.000
2	Xã Chư A Thai	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc; Trường TH Nay Der; Trường TH Kim Đồng; Trụ sở UBND xã.	Nhà có kết cấu 2 tầng và có từ 08-13 phòng	Đảm bảo sơ tán án toàn với bão cấp 8 trở lên	500-1.000
5	Xã Ia Peng	Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn; Trường TH Kpă Klơng; Trụ sở UBND xã và và các Phòng học, nhà dân xây kiên cố tại các thôn.	Nhà có kết cấu 02 tầng, gồm 04 – 06 phòng.	Đảm bảo sơ tán	200-300
6	Ia Piar	Trường PTTH Võ Văn Kiệt; Trụ sở UBND xã; Trường TH Nguyễn Trãi; Trường THCS Ngô Gia Tự và các nhà dân xây kiên cố có kết cấu 2 tầng.	Nhà có kết cấu 2-3 tầng và có từ 6-20 phòng.	Đảm bảo sơ tán an toàn với cơn bão có sức gió từ cấp 10 trở lên.	1.000-3.000
7	Xã Ia Sol	Trường THCS Trương Vương; Trụ sở UBND xã và các nhà xây xây kiên cố có kết cấu 2 tầng.	Nhà kết cấu 2 tầng và có từ 06-12 phòng.	Đảm bảo sơ tán an toàn với cơn bão có sức gió từ cấp 8 trở lên.	250-500
8	Ia Hiao	Trường THCS Trường Chinh; Trường TH Trần Phú; Trường TH Anh Hùng Wừu; Trụ sở UBND xã.	Nhà kết cấu 1-2 tầng và có từ 08-24 phòng.	Đảm bảo sơ tán án toàn với bão cấp 13 trở lên	2.500-3.000
9	Ia Ake	Trường THCS Hoàng Hoa Thám		Đảm bảo sơ tán	500-1.000
10	Thị trấn Phú Thiện	Trường PTTH Trần Quốc Tuấn; Trường TH Chu Văn An; Trường TH Ngô Mây; Trụ Sơ UBNB thị trấn; Khu TTHC huyện cũ (Khu tổng B)	Nhà kết cấu 2-3 và có 06 đến 15 phòng.	Đảm bảo sơ tán an toàn bão có sức gió từ cấp 10 trở lên.	1.500-2.000

PHỤ LỤC 3

LỰC LƯỢNG DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ

STT	Lực lượng	Cấp tỉnh	HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ																	Tổng cộng
			Ayun Pa	Ia Grai	Đức Cơ	Đăk Pơ	Chư Prông	Ia Pa	Chư Sê	Chư Pưh	Kbang	An Khê	Đăk Đoa	Mang Yang	Plei Ku	Phú thiện	Kông Chro	Krông Pa	Chư Păh	
1	Quân sự	2013	40	80	150	420	191	20	20	20	20	120	370	120	40	20	20	20	20	3704
2	Công an		54	194	100	143	52	20	313	30	183	59	68	34	100	145	30	190	75	1790
3	Y tế		34	101	30	104	32	22	220	10		34	35	27	70	152	31	63	110	1075
4	Thanh niên tình nguyện		200	683	50	630	260		995	251		240	830	290	270	947	50	420	570	6686
5	Hội chữ thập đỏ		11				36		160				5			385		12	33	642
6	Dân quân, Tự vệ địa phương	1629	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	3329
7	Bộ đội biên phòng	80			30		15													125
8	Lực lượng dự bị động viên	110	110	110	110	110	110	110	110	110	110	110	110	110	110	110	110	110	110	1980
9	Lực lượng các phòng ban huyện và các doanh nghiệp trên địa bàn huyện				390				16	142	1958		235	225	100	23	90	1160	152	4491

STT	Lực lượng	Cấp tỉnh	HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ																	Tổng cộng
			Ayun Pa	Ia Grai	Đức Cơ	Đăk Pơ	Chư Prông	Ia Pa	Chư Sê	Chư Pưh	Kbang	An Khê	Đăk Đoa	Mang Yang	Plei Ku	Phú thiện	Kông Chro	Krông Pa	Chư Păh	
10	Hội nông dân								217											217
11	Lực lượng Xung kích	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	900
	Tổng	**3882**	**599**	**1318**	**1010**	**1557**	**846**	**322**	**2201**	**713**	**2421**	**713**	**1803**	**956**	**840**	**1932**	**481**	**2125**	**1220**	**24939**

PHỤ LỤC 4
PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG

STT	ĐỊA PHƯƠNG	Phương tiện phục vụ sơ tán dân									Phương tiện phục vụ bảo vệ công trình trọng điểm						Ghi chú
		Xe máy	Xe < 16 chỗ	Xe 16 chỗ	Xe 25-29 chỗ	Xe > 29 chỗ	CaNô cứu hộ	Xuồng	Phao cứu sinh+ áo phao	Loa cầm tay, bộ dàm	Máy xúc	Ô tô tải	Máy ủi- xe ban	Xe bán tải	Máy bơm nước	Xe công nông	
1	Ayun Pa			7	2		3	2	290		4	9	3				
2	Ia Grai			226		17			209		9	7		267			
3	Đức Cơ		5	11	6				292			9				30	
4	Đăk Pơ			6	2				110		5	53			23		
5	Chư Prông			10					300		4	11				55	
6	Ia Pa						10	123	611	32	6	41					
7	Chư Sê	1350	40			14			100			47	1	1		548	
8	Chư Pưh		5	8		1			60	15	4	6				90	
9	Kbang	528	8	76			3		286	33	22	53	4		42	4	Bè phao : 1 chiếc; Máy phát điện : 29 chiếc; Nhà bạt trung đội 24m2 : 3 bộ ; Nhà bạt tiểu đội 15m2: 3 bộ; cuốc, rựa,xẻng, xà beng…: 675 cái; máy cưa cầm tay : 6 cái
10	An Khê		55	48					219		19	21					
11	Đăk Đoa		15						75			19					
12	Mang Yang		8	2					80		1	9	2			55	
13	Chư Păh			28	6	8			75		17	28				75	
14	PleiKu			70	70				155		23	23					
15	KongCho Ro							1	168								01 máy phát điện; 02 nhà bạt

STT	ĐỊA PHƯƠNG	Phương tiện phục vụ sơ tán dân									Phương tiện phục vụ bảo vệ công trình trọng điểm						Ghi chú
		Xe máy	Xe < 16 chỗ	Xe 16 chỗ	Xe 25-29 chỗ	Xe > 29 chỗ	CaNô cứu hộ	Xuồng	Phao cứu sinh+ áo phao	Loa cầm tay, bộ dàm	Máy xúc	Ô tô tải	Máy ủi- xe ban	Xe bán tải	Máy bơm nước	Xe công nông	
16	Krông Pa		13	12			2	3	109		6	93	1				20 máy phát điện; 35 nhà bạt, 43 cưa, cuốc, xẻng 1050 cái
17	Phú Thiện		24						138			175	19			580	
	Bộ chỉ huy		Ô tô các loại				Ca nô cứu hộ, xuồng										
18	QS tỉnh		173				9		498								
Tổng phương tiện		1878	Ô tô các loại				Ca nô cứu hộ, xuồng		3775	80	120	604	30	268	65	1437	
			976				156										

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 502/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 21 tháng 6 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó với sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 12/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;

Theo Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh về Ban hành phương án Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020 (có tính đến tình huống ứng phó với bão mạnh, siêu bão);

Theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả động đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020;

Theo Kế hoạch số 4053/KH-UBND ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh về Ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất đá trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020;

Theo Kế hoạch số 1548/KH-UBND ngày 13/4/2016 của UBND tỉnh về ứng phó sự cố vỡ hồ, đập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020;

Theo Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 23/3/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

Theo Kế hoạch số 981/KH-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh về Hiệp đồng nhiệm vụ Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh về Ban hành Quy trình ban hành và thực hiện Lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện An Khê-KaNak và hồ Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT (Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh) tại Tờ trình số 87 /TTr-SNN ngày 15/5/2017 và Văn bản số 927/SNNPTNT-CCTL ngày 13/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các thành viên Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- BCĐ Trung ương về phòng chống thiên tai (b/c);
- UBQG Tìm kiếm Cứu nạn (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chi cục Phòng chống thiên tai Khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- Lưu: VT, TH, KT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Thành

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phòng, chống thiên tai năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND tỉnh Gia Lai)

I. Đánh giá về đặc điểm dân sinh, kinh tế-xã hội và cơ sở hạ tầng trong phạm vi quản lý:

1. Đặc điểm vị trí địa lý:

Gia Lai là tỉnh nằm ở khu vực phía Bắc Tây Nguyên, có tổng diện tích tự nhiên là 15.510,98 km^2, độ cao trung bình so với mặt biển từ 800-900 m; phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía Nam giáp tỉnh Đăk Lăk, phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Ratanakiri (Campuchia) với đường biên giới dài khoảng 90 km và có Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh. Giới hạn tọa độ địa lý tỉnh Gia Lai trong khoảng $12^0$58'00''- $14^0$37'00'' vĩ độ Bắc và $107^0$27'30''- $108^0$35'00'' độ kinh Đông.

Trên địa bàn tỉnh có 03 con sông lớn chảy qua và nằm phân bố khá đều trên toàn tỉnh: Phía Tây - Tây Bắc là hạ lưu và các dòng sông nhánh phía tả sông Sê San, phía Tây - Tây Nam là các sông Ia Đrăng, Ia Lốp thuộc hệ thống lưu vực sông Srêpôk. Phía Đông - Đông Nam của tỉnh là hệ thống sông Ba có diện tích lưu vực 13.900 km^2, trong đó 11.450 km^2 thuộc tỉnh Gia Lai, nhánh chính sông Ba thuộc tỉnh Gia Lai gồm sông Ayun, sông Ia Pi Hao, sông Đăk Pô Cô. Ngoài ra, còn có nhiều nhánh sông, suối nhỏ. Mùa mưa nước sông thường dâng cao, lưu tốc dòng chảy lớn, gây ngập lũ ở vùng hạ du.

Toàn tỉnh có 147 hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện các loại, trong đó có các hồ chứa nước lớn như Ya Ly, Ayun Hạ, Sê San 4, Ia M'La, Plei Pai, Biển Hồ, v.v... Các hồ chứa thuỷ lợi chủ yếu cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác; các hồ chứa thủy điện chủ yếu phục vụ khai thác điện năng và cấp nước một phần cho sản xuất, dân sinh.

Về giao thông: Đường bộ, có đường Hồ Chí Minh chạy qua địa bàn tỉnh nối với các tỉnh Tây Nguyên, đường Trường Sơn Đông, đường Quốc lộ 19, Quốc lộ 14, Quốc lộ 25, Quốc lộ 14C. Ngoài ra còn có các tỉnh lộ như: 661, 662, 662B, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 670B và hệ thống đường huyện, đường xã. Đường hàng không: có sân bay Pleiku với các chuyến bay đi Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Vinh-Nghệ An và thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đặc điểm thời tiết, khí hậu:

- Gia Lai có đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng mang nhiều nét đặc thù của vùng Tây Nguyên và chia làm hai mùa rõ rệt: Khu vực phía Tây và Trung tâm tỉnh mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Khu vực phía Đông và Đông Nam tỉnh mùa mưa bắt đầu từ tháng 6 kết thúc tháng 11, mùa khô bắt đầu từ tháng 12 và kết thúc vào tháng 5 năm sau. Cụ thể:

+ Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình cả năm dao động trong khoảng 23-24°C và có sự khác biệt giữa nhiệt độ trung bình các tháng mùa hè và các tháng mùa đông (khoảng 5-6°C).

+ Độ ẩm: Độ ẩm không khí trung bình hàng năm dao động trong khoảng 81-82%. Đặc trưng này cũng có sự khác biệt giữa các tháng trong năm và giữa các vùng trong tỉnh.

+ Lượng mưa: Tổng lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1600-1700mm, trong đó tổng lượng mưa trong mùa mưa chiếm khoảng 80% tổng lượng mưa năm. Các tháng 7, 8, 9 là những tháng mưa nhiều (chiếm trên 50% tổng lượng mưa năm) và các tháng 1, 2, 3 là những tháng ít mưa (hầu như không mưa).

+ Chế độ gió: Hướng gió thịnh hành ở Gia Lai thay đổi theo mùa. Mùa đông hướng Đông Bắc; mùa hè hướng Tây và Tây Nam.

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, diễn biến thiên tai trên địa bàn tỉnh ngày càng phức tạp. Ảnh hưởng của thiên tai đang có chiều hướng tăng lên về cường độ, số lượng và mức độ nguy hiểm, mức độ diễn biến bất thường, có xu hướng cực đoan hơn. Tình trạng lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất xảy ra nhiều, bất ngờ và có sức tàn phá lớn ở các vùng trũng thấp, khu vực ven các sông, suối.

3. Các loại hình thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh:

3.1. Bão, áp thấp nhiệt đới: Do đặc điểm địa hình là cao nguyên và núi cao, có dãy Trường Sơn chạy ngang qua. Hầu như trên địa bàn tỉnh không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, chủ yếu ảnh hưởng của hoàn lưu các cơn bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào khu vực Duyên hải Miền Trung gây mưa vừa, mưa to đến rất to trên địa bàn.

3.2. Lũ và ngập úng: Lũ là loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra ở tỉnh Gia Lai, tình trạng ngập úng thường xảy ra cục bộ một số nơi vùng trũng thấp như tại các huyện Ia Pa, Kông Chro, Chư Prông, Krông Pa, thị xã Ayun Pa. Những năm có lũ đặc biệt lớn như 1998, 2009, 2013 (thời gian ngập kéo dài từ 2 ngày đến 4 ngày) gây thiệt hại lớn về nông nghiệp.

3.3. Lũ quét và sạt lở đất: Trong những năm gần đây do ảnh hưởng, thay đổi mạnh mẽ của thảm phủ bề mặt lưu vực, nhất là sự thu hẹp nhanh chóng diện tích và mật độ cây rừng, việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi, thủy điện, đô thị hóa các khu dân cư …và sự tác động của biến đổi khí hậu cường độ mưa tăng mạnh (hiện tượng này đã xuất hiện nhiều lên so với những năm trước đây). Lũ quét và sạt lở đất xảy ra với xu hướng ngày càng tăng về số lượng và cường độ, đã cướp đi sinh mạng của nhiều người, phá hủy tài sản nhà nước, nhân dân và các công trình cơ sở hạ tầng, gây xói mòn, rửa trôi hàng triệu mét khối đất canh tác màu mỡ, gây hiểm họa thực sự đối với nhân dân, nhất là đối với các nhà dân nằm ven khu vực sản xuất gần các sông, suối, sườn dốc, sườn đồi.

3.4. Bão mạnh, siêu bão: Tác động của Biến đổi khí hậu, khả năng xuất hiện bão mạnh, siêu bão với tốc độ gió cấp 14 – 15 đổ bộ vào các tỉnh ven biển Miền Trung đi sâu vào đất liền ảnh hưởng đến tỉnh Gia Lai (Đặc biệt cơn bão Ketsana năm 2009, tỉnh Gia Lai có mưa rất to lượng mưa đo được trên 301mm, trên các sông suối đã xuất hiện lũ lịch sử tại thị xã Ayun Pa, các huyện Ia Pa,

Kông Chro, Phú Thiện, Krông Pa từ ngày 02-04/11/2009). Với cường độ mưa rất lớn, gió giật mạnh cấp 12, cấp 13, lũ trên các sông suối vượt trên báo động cấp 3, bão mạnh, siêu bão sẽ gây thiệt hại nặng nề về người, nhà cửa sập đổ, phá hủy công trình cơ sở hạ tầng và sản xuất của nhân dân.

3.5. Hạn hán, thiếu nước: Những năm gần đây do tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, tình trạng nắng nóng, khô hạn, thiếu nước thường xuyên xảy ra, xu hướng diễn biến ngày càng nghiêm trọng gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Năm 2014 hạn hán đã gây thiệt hại cho 9.461,7 ha cây trồng, giá trị thiệt hại ước khoảng 25,37 tỷ đồng. Năm 2015 hạn hán xảy ra cả vụ đông xuân và vụ mùa gây thiệt hại cho 12.803,81 ha cây trồng, giá trị thiệt hại khoảng 176,68 tỷ đồng. Đặc biệt vụ Đông xuân 2015-2016 do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino có cường độ mạnh và kéo dài nhất trong 60 năm gần đây đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, đời sống của nhân dân (thiệt hại do hạn hán gây ra là 30.556,1 ha cây trồng các loại; 9.164 hộ bị thiếu nước sinh hoạt; 15.895 hộ với khoảng 70.091 khẩu bị thiếu đói; giá trị thiệt hại khoảng 841,214 tỷ đồng).

3.6. Lốc xoáy, sét, mưa đá: Đây là hiện tượng thời tiết nguy hiểm thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ cuối mùa khô đầu mùa mưa, gây thiệt hại về người, tài sản của nhà nước và nhân dân. Thiệt hại do lốc xoáy, sét, mưa đá gây ra trong năm 2015 khoảng 7,157 tỷ đồng. Đầu mùa mưa 2016 lốc xoáy, sét đã xảy ra trên địa bàn các huyện Đak Đoa, Chư Păh, Krông Pa, Chư Pưh, Đức cơ, Chư Prông, Kông Chro và thành phố Pleiku làm chết 03 người, bị thương 16 người, 1.113 ngôi nhà bị tốc mái, hư hỏng, 46,73 ha cây trồng lâu năm bị gãy đổ; thiệt hại do lốc xoáy, sét, mưa đá gây ra khoảng 13,88 tỷ đồng.

4. Hệ thống công trình phòng chống thiên tai (tính đến tháng 12/2016):

4.1. Công trình kè chống sạt lở bờ sông: Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh Gia Lai thực hiện đầu tư xây dựng 07 công trình kè chống sạt lở bờ sông, suối với tổng chiều dài 23,14 km; tổng mức đầu tư 928,27 tỷ đồng, trong đó: 04 công trình đã triển khai thi công và đưa vào sử dụng, 03 công trình đang triển khai thi công (Kè chống sạt lở bờ Tây sông Ayun đoạn qua thị xã Ayun Pa, Kè chống sạt lở suối Hội phú-PleiKu, Kè chống sạt lở thuộc dự án Hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch Biển Hồ).

4.2. Hệ thống công trình thủy lợi: Toàn tỉnh có 147 hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện các loại, trong đó:

- Hồ chứa thủy điện: 35 hồ, bao gồm: 12 hồ chứa có dung tích lớn hơn 10 triệu m^3; 04 hồ chứa có dung tích từ 1 triệu-10 triệu m^3; 19 hồ chứa có dung tích nhỏ hơn 1 triệu m^3.

- Hồ chứa thủy lợi: 112 hồ, bao gồm: 05 hồ chứa có dung tích lớn hơn 10 triệu m^3; 12 hồ chứa có dung tích từ 1 triệu-10 triệu m^3; 95 hồ chứa có dung tích nhỏ hơn 1 triệu m^3.

4.3. Công trình khác: Trên địa bàn tỉnh có 4 trạm khí tượng, 3 trạm thủy văn, 07 trạm đo mưa nhân dân do Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây nguyên quản lý, quan trắc các yếu tố mưa, bốc hơi, nhiệt độ, độ ẩm, mực nước, lưu lượng, lưu lượng phù sa lơ lửng được đưa vào phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

II. Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế - xã hội trong địa bàn tỉnh:

1. Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp trên địa bàn tỉnh:

- Các rủi ro thiên tai thường xảy ra trên địa bàn tỉnh, gồm: Bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa và dòng chảy, sụt lún đất, nắng nóng, hạn hán, mưa đá, sương muối và các loại thiên tai khác.

- Xác định cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh: Thực hiện theo Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai.

2. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh trong năm 2016:

2.1. Lượng mưa:

- Biến đổi khí hậu ở tỉnh Gia Lai đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống, sinh kế của cộng đồng dân cư, đặc biệt trong các hoạt động kinh tế- xã hội: Trong các tháng mùa khô từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2016, tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ hoặc thấp hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN), tình hình hạn hán, thiếu nước xảy ra nghiêm trọng.

- Năm 2016, mùa mưa bắt đầu muộn hơn so với qui luật nhiều năm, vào khoảng giữa tháng 5. Tổng lượng mưa tháng 5/2016 đến cuối tháng 10/2016 phổ biến xấp xỉ hoặc thấp hơn so với TBNN. Cụ thể như sau:

+ Lượng mưa từ tháng 5/2016 đến hết tháng 9/2016: Xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN, đạt từ 70-95%. Riêng tại khu vực Đông và Đông Nam tỉnh, lượng mưa cao hơn TBNN từ 30-50%.

+ Lượng mưa tháng 10/2016: Xấp xỉ hoặc cao hơn so năm 2015 và TBNN. Riêng khu vực Đông Nam tỉnh, lượng mưa tháng 10 thấp hơn so với TBNN (đạt 80%).

- Năm 2016 mùa mưa kết thúc muộn hơn so với TBNN. Đã xảy ra các trận mưa lớn trái mùa trong tháng 11 ở khu vực phía Tây và Trung tâm tỉnh và trong tháng 12 ở khu vực phía Đông và Đông Nam tỉnh. Các đợt mưa lớn này chịu tác động chủ yếu của nhiễu động thời tiết kết hợp gió Đông trên cao gây lũ lớn ở khu vực phía Đông và Đông Nam tỉnh. Lượng mưa tháng 11 và tháng 12 trên địa bàn tỉnh cao hơn so với TBNN nhiều năm và cao hơn so với năm 2015. Đặc biệt tại khu vực phía Đông và Đông Nam tổng lượng mưa thời kỳ này cao đột biến.

- Các đợt mưa lớn diện rộng: Trong thời gian đầu tháng 11 và tháng 12 năm 2016, ở khu vực phía Đông và Đông Nam tỉnh Gia Lai xảy ra 4 đợt mưa lớn diện rộng, cụ thể: đợt 1: từ ngày 02-03/11, lượng mưa phổ biến từ 130-180mm; đợt 2: từ ngày 30/11-01/12, lượng mưa phổ biến từ 80-120mm; đợt 3: từ ngày 6-7/12, lượng mưa phổ biến từ 100-120mm; đợt 4: từ ngày 12-13/12, lượng mưa phổ biến từ 80-120mm.

2.2. Nhiệt độ: Nhiệt độ không khí trung bình đạt cao hơn so với TBNN từ 1.0 - 2.0^{0}C. Nắng nóng kéo dài, tình hình hạn hán xảy ra nghiêm trọng. Trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện số liệu nhiệt độ cao lịch sử (thị xã AyunPa 41,3^{0}C) và chuỗi ngày xuất hiện nắng nóng dài nhất trong lịch sử.

2.3. Nắng nóng: Nắng nóng xảy ra tập trung chủ yếu ở các huyện phía Đông và Đông Nam tỉnh, bắt đầu từ tháng 2 đến tháng 9 và đã xảy ra 7 đợt, nhiệt độ từ 36^0C - 41.3^0C. Đặc biệt vụ đông xuân năm 2015-2016 đã xảy ra hạn hán nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh, diện tích cây trồng thiệt hại do hạn hán gây ra là 30.556,1 ha cây trồng các loại; 9.164 hộ bị thiếu nước sinh hoạt; 15.895 hộ với khoảng 70.091 khẩu bị thiếu đói. Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2016 xảy ra nhiều đợt lốc xoáy, sét, mưa đá trên địa bàn tỉnh làm chết 3 người, bị thương 16 người, hư hỏng 1.113 ngôi nhà và trên 43,67 ha cây công nghiệp dài ngày bị gãy đổ, hư hỏng.

III. Xác định nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai:

1. Nhiệm vụ phòng chống thiên tai:

1.1. Tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm công tác phòng chống thiên tai năm 2016, triển khai công tác phòng chống thiên tai năm 2017; đánh giá cụ thể những mặt được, chưa được, làm rõ nguyên nhân những mặt còn hạn chế, yếu kém để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục; chú trọng nâng cao năng lực điều hành, chỉ huy, thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó thiên tai ngay tại cơ sở nhất là các địa bàn xung yếu;

1.2 Triển khai kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Luật Phòng chống thiên tai, Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020; chú trọng việc lồng ghép các biện pháp phòng, chống thiên tai vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố;

1.3. Tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật Phòng chống thiên tai, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai trong cán bộ và nhân dân bằng nhiều hình thức như: Phát tin trên truyền hình, truyền thanh, báo chí, phát tờ rơi, biểu ngữ, tập huấn, diễn tập nhằm từng bước nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của nhân dân, các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư trong công tác phòng, chống thiên tai và khả năng chuẩn bị, ứng phó, phục hồi của cộng đồng trước, trong và sau thiên tai; thông tin kịp thời về thời tiết, khí tượng thủy văn, kiến thức phòng tránh thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

1.4. Tiếp tục triển khai thực hiện đề án 1002 "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung tuyên truyền phổ biến kiến thức về phòng, chống ứng phó với thiên tai cho chính quyền cấp xã và cộng đồng đặc biệt đối với các khu vực nguy hiểm và đối tượng dễ bị tổn thương;

1.5. Đôn đốc, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã, các ngành chuẩn bị lực lượng:

- Các cấp, các ngành kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của mình, để thống nhất công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở mỗi cấp, mỗi ngành; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo mỗi xã, phường, thị trấn tổ chức ít nhất 01 tiểu đội xung kích ứng phó sự cố thiên tai bao gồm những người khỏe mạnh, từng người phải

tự trang bị dụng cụ phù hợp như cuốc, xẻng, bao tải,… và tổ chức tập huấn, diễn tập vào thời điểm thích hợp, sát với tình hình thiên tai xảy ra tại địa phương;

- Ngoài các lực lượng trên, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện, thị xã, thành phố phải chủ động xây dựng phương án hiệp đồng với lực lượng dân quân tự vệ của các cơ quan, nhà máy, trường học và các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn và các lực lượng khác gắn với từng khu vực trọng điểm và các hồ chứa nước để khi có tình huống huy động thì các lực lượng này tham gia ứng cứu đồng thời hỗ trợ địa phương khác khi xảy ra các tình huống thiên tai phức tạp;

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT đôn đốc các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai kế hoạch tìm kiếm cứu nạn, các phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang bị sẵn sàng ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tổ chức huấn luyện, luyện tập cho các lực lượng vũ trang của tỉnh thành thạo các phương án để chủ động xử lý kịp thời các tình huống khi có thiên tai xảy ra;

- Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai xây dựng các kế hoạch chi tiết thuộc Đề án Tổng thể lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn đã được UBND tỉnh ban hành gồm: Kế hoạch số 981/KH-UBND ngày 15/3/2017 về Hiệp đồng nhiệm vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 Ban hành Quy trình ban hành và thực hiện Lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện An Khê-KaNak và hồ Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm; Kế hoạch số 1548/KH-UBND ngày 13/4/2016 về ứng phó với sự cố vỡ hồ đập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 4053/KH-UBND ngày 18/9/2015 Ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lụt, lũ quét, sạt lở đất đá trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020; Kế hoạch phòng chống, ứng phó khắc phục hậu quả động đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh, v.v…;

- Các sở, ban, ngành, Hội chữ Thập đỏ tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn thành lập các tổ đội xung kích, tổ chức lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai.

1.6. Xây dựng các công trình phòng chống thiên tai:

- Xây dựng các công trình phòng chống sạt lở bờ sông, suối; duy tu, sửa chữa cải tạo nâng cấp công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm phục vụ phòng chống thiên tai;

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án di dời các hộ dân tại các khu vực xung yếu, trong đó tập trung tổ chức di dời trước đối với những hộ dân đang sinh sống trong khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng của thiên tai đã được cảnh báo;

- Quản lý, đầu tư, duy tu, đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo chất lượng xây dựng các dự án, công trình trọng điểm về phòng, chống thiên tai, sạt lở, thủy lợi để bảo vệ dân cư và ổn định sản xuất, kinh doanh.

1.7. Xác định các khu vực nguy hiểm:

- Tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng công trình liên quan đến phòng, chống thiên tai, lụt, bão như Kè chống sạt lở, hồ đập, công trình phục vụ

sơ tán dân và hệ thống điện, thông tin liên lạc, trường học, trạm y tế, các tuyến đường giao thông trọng điểm, cứu hộ, cứu nạn...; tổ chức khơi thông, giải phóng các vật cản trên các sông suối để đảm bảo thoát lũ; bố trí lực lượng thường xuyên kiểm tra công trình trước, sau lũ và tuần tra canh gác trong khi mưa lũ; chuẩn bị vật tư tại chỗ, bố trí lực lượng sẵn sàng huy động cứu hộ đập, giúp dân vùng hạ du sơ tán khi cần thiết;

- Xác định rõ các khu vực trọng điểm xung yếu, nguy hiểm, đặc biệt cần lưu ý các khu vực có nhân dân sinh sống ven sông, suối, hạ lưu các hồ chứa; các công trình phòng chống lũ như hồ đập, kè chống sạt lở, các vị trí ven sông suối có nguy cơ bị sạt lở... . Lập kế hoạch, phương án cụ thể đảm bảo an toàn tuyệt đối với các hồ chứa và công trình phòng chống lũ, lụt.

1.8. Xây dựng, triển khai các kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai:

- Triển khai Kế hoạch số 981/KH-UBND ngày 15/3/2017 về hiệp đồng nhiệm vụ Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 Ban hành Quy trình ban hành và thực hiện Lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện An Khê- KaNak và hồ Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm; Kế hoạch số 1548/KH-UBND ngày 13/4/2016 về ứng phó với sự cố vỡ hồ đập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 4053/KH-UBND ngày 18/9/2015 về ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lụt, lũ quét, sạt lở đất đá trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020; Kế hoạch phòng chống, ứng phó khắc phục hậu quả động đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh;

- Trên cơ sở các phương án, kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các ngành tổ chức rà soát, xây dựng và phê duyệt kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai đảm bảo phù hợp với đặc điểm thiên tai, điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, đơn vị và theo đúng quy định của Luật Phòng chống thiên tai với tinh thần chủ động theo phương châm "4 tại chỗ" và gửi cơ quan đơn vị cấp trên để phối hợp chỉ đạo;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Công ty TNHH MTV khai thác công trình Thủy lợi Gia Lai và chỉ đạo các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi, hồ đập do mình quản lý, tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình; rà soát điều chỉnh, bổ sung và lập, phê duyệt phương án bảo vệ công trình Thủy lợi, phương án sơ tán dân vùng hạ lưu các hồ chứa khi có sự cố xảy ra theo quy định;

- Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai cho tất cả các công trình, khu vực xung yếu đồng thời phải gắn với phương án sơ tán dân, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; trong đó cần lập kế hoạch quản lý, đầu tư trang bị bổ sung các phương tiện, trang thiết bị hiện đại, đủ công năng, công suất đáp ứng yêu cầu tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ;

- Xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;

- Xây dựng kế hoạch bổ sung các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn như: thuyền, xuồng, phao cứu sinh, nhà bạt, áo phao, ống nhòm nhìn đêm, đèn pin.., thiết bị thông tin liên lạc và cảnh báo thiên tai;

- Lập kế hoạch mua sắm phương tiện, trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho các địa phương để thực hiện nhiệm vụ khi xảy ra thiên tai.

1.9. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch, phương án chi tiết, cụ thể trong công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; tăng cường công tác phối hợp hoạt động tìm kiếm cứu nạn - cứu hộ;

1.10. Tổ chức tập huấn, diễn tập cho các đối tượng trực tiếp làm công tác phòng chống thiên tai. Nâng cao năng lực, kỹ năng phòng, chống thiên tai, sơ tán dân, cứu hộ, cứu nạn cho các lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và lực lượng nhân dân địa phương; nâng cao khả năng ứng cứu tại chỗ cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa;

1.11. Chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Thành lập, kiện toàn Văn phòng thường trực phòng, chống thiên tai cấp tỉnh, cấp huyện. Nâng cấp các trụ sở làm việc đồng thời đầu tư trang thiết bị và công nghệ bảo đảm điều kiện làm việc cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại các Văn phòng phòng chống thiên tai các cấp;

1.12. Xây dựng năng lực tự phòng ngừa thiên tai: Tổ chức lực lượng ứng phó tự nguyện của cộng đồng để tham gia cứu hộ, cứu nạn. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội trong các hoạt động chuẩn bị ứng phó, khắc phục hậu quả. Phát triển lực lượng tình nguyện viên trong công tác tuyên truyền, vận động, khắc phục hậu quả, phục hồi sản xuất...;

1.13. Các địa phương, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ của mình kiểm tra và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai, lấn chiếm hành lang bảo vệ bờ và lòng sông; tình trạng xây dựng, san lấp mặt bằng trái phép gây tắc nghẽn dòng chảy sông suối, kênh mương, khai thác cát sỏi lòng sông suối...;

1.14. Thực hiện chế độ thường trực, trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, thông tin, báo cáo:

- Thực hiện nghiêm chế độ thường trực phòng chống thiên tại Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, theo dõi, tiếp nhận các văn bản, công điện chỉ đạo của cấp trên, các thông tin dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai, kịp thời báo cáo các ngành, các cấp liên quan để chỉ đạo ứng phó và phát tin kịp thời, rộng rãi đến tận người dân. Thời gian trực cụ thể như sau:

+ Chế độ trực 24/24 giờ từ ngày 15/5 hàng năm đến 15/12 hàng năm trong thời kỳ xảy ra bão, lũ, hiện tượng thời tiết nguy hiểm;

+ Chế độ trực 12/24 giờ (đến 21giờ) từ ngày 16/12 năm trước đến ngày 14/5 năm sau. Trong thời gian này Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, thị xã chủ động quyết định về việc trực, điều chỉnh chế độ trực tùy theo tình hình thiên tai tại địa phương;

- Đảm bảo chế độ thông tin liên lạc từ Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh đến Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và các khu vực xảy ra thiên tai; thực hiện nghiêm chế độ báo

cáo thường xuyên, báo cáo đột xuất theo quy định về Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Liên Bộ: Nông nghiệp và PTNT-Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

1.15. Nâng cao chất lượng thông tin, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; đồng thời nâng cao năng lực ứng phó, xử lý khi xảy ra thiên tai. Phát triển hệ thống thông tin cảnh báo theo chiều từ trung tâm xuống cơ sở và thu nhận các báo cáo từ dưới lên ở 3 cấp: từ tỉnh xuống huyện, từ huyện xuống xã, khu, nhóm dân cư để mọi người phòng tránh có hiệu quả và để có thông tin báo cáo kịp thời giữa Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn;

1.16. Huy động mọi nguồn lực tài chính tạo Quỹ Phòng, chống thiên tai cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đặc biệt để giải quyết cấp bách và kịp thời các sự cố thiên tai. Thực hiện xã hội hóa, phát huy tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", tinh thần trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với xã hội trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Các nguồn lực tài chính phải sử dụng hiệu quả, kịp thời, đúng quy định;

1.17. Tổ chức khắc phục hậu quả thiên tai:

- Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm cần thiết và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân;

- Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ. Đề xuất phương án khắc phục hậu quả, kế hoạch khôi phục cơ sở hạ tầng, sản xuất và ổn định đời sống nhân dân;

- Khuyến khích các tổ chức cá nhân trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước có các hình thức hỗ trợ đa dạng, hiệu quả cho người dân và địa phương bị thiên tai.

2. Biện pháp cơ bản ứng phó với thiên tai: Trên cơ sở cấp độ rủi ro thiên tai của từng loại thiên tai do các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai cung cấp, triển khai các biện pháp ứng phó cụ thể như sau:

2.1. Biện pháp cơ bản ứng phó đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được quy định như sau:

a) Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;

b) Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng;

c) Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;

d) Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;

e) Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, ngầm qua suối, khu vực

và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác;

g) Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

h) Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;

i) Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

k) Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

2.2. Ứng phó đối với hạn hán được quy định như sau:

a) Thực hiện quyết liệt việc chuyển đổi cây trồng vùng thường xuyên bị hạn, đã lựa chọn các loại cây trồng cạn ngắn ngày có khả năng chịu hạn, sử dụng ít nước để gieo trồng trên đất lúa (như: đậu đỗ, ngô, sắn, v.v…) và dừng gieo trồng ở một số khu vực không đảm bảo về nguồn nước tưới để tránh thiệt hại;

b) Vận hành hợp lý tiết kiệm nguồn nước ở các công trình thủy lợi, các hồ chứa nước thủy điện, các công trình cấp nước. Tổ chức nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, thiết lập các trạm bơm dã chiến, bơm chuyền, đào hố, giếng nông để lấy nước tưới cho cây trồng; sử dụng nước hợp lí, tiết kiệm cho cây trồng như: tưới phun mưa, tưới luân phiên, v.v… ưu tiên nguồn nước cho sinh hoạt của người dân, sau đó đến chăn nuôi gia súc, sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh, sản xuất công nghiệp, sản xuất điện. Đối với cây trồng, ưu tiên nước tưới cho cây trồng có giá trị kinh tế cao, cây công nghiệp dài ngày, cây trồng đang bước vào thời kỳ ra hoa kết trái. Dừng gieo trồng ở các vùng không đảm bảo nước tưới để tránh thiệt hại, đồng thời mở rộng sản xuất ở những vùng đảm bảo nước tưới để đạt được kế hoạch đề ra

c) Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;

d) Tổ chức điều hành đóng mở cống lấy nước phù hợp với tình huống cụ thể;

e) Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thiếu nước uống, nước sinh hoạt, thiếu đói, bệnh tật do hạn hán gây ra trên địa bàn tỉnh và triển khai các biện pháp tổ chức khai thác có hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt để phục vụ cấp nước sinh hoạt cho nhân dân. Hướng dẫn nhân dân khắc phục tình trạng thiếu nước các giếng đào, giếng khoan của hộ gia đình để đảm bảo cấp nước sinh hoạt. Những vùng thiếu nước sinh hoạt gay gắt đã chủ động sử dụng ngân sách địa phương để tổ chức vận chuyển nước sạch ở nơi khác đến phục vụ cấp nước hỗ trợ cho nhân dân, không để nhân dân thiếu nước uống, sinh hoạt. Tuyên truyền, vận động nhân dân tuyệt đối không sử dụng nước đục, cáu bẩn để uống, sinh hoạt, tránh nguy cơ dịch bệnh do sử dụng nước không hợp vệ sinh gây ra.

2.3. Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác thì căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể:

- Biện pháp ứng phó với dông, lốc, mưa đá:

+ Rà soát, cảnh báo đến từng hộ gia đình tại các điểm dân cư nằm trong khu vực nguy hiểm để có phương án sẵn sàng di chuyển đến nơi an toàn;

+ Chủ động chằng chống nhà cửa, vật kiến trúc, kho tàng… đảm bảo đủ sức chống đỡ khi có lốc xoáy, mưa đá và thiên tai xảy ra;

+ Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị thương.

- Biện pháp ứng phó với sét đánh:

+ Khi mưa lớn kèm theo có dông sét, không nên đứng dưới gốc cây, anten truyền hình, gần các vật kim loại, không chạm tay vào các vật ẩm ướt, vật dẫn điện; Tháo bỏ dây anten ra khỏi tivi, radio,…;

+ Không đi dọc theo các bờ sông, bờ suối,…; Không trú mưa ở những công trình, nhà cửa, chòi rẫy ở giữa cánh đồng; Không sử dụng điện thoại; Không dùng dây thép phơi áo quần buộc vào cột thu lôi, cây cao;

+ Bỏ các vật dụng mang bên mình như cuốc xẻng, dao, mác, cần câu, gậy,… khi thấy có hiện tượng dông, sét có thể xảy ra;

+ Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị thương.

- Biện pháp ứng phó với nắng nóng:

+ Chủ động các biện pháp phòng chống nắng nóng cho người (đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương) và gia súc, gia cầm; hạn chế ra ngoài cũng như chăn thả gia súc, gia cầm ngoài trời trong thời gian nắng nóng cao điểm từ 10 giờ-16 giờ; vệ sinh môi trường và phun thuốc khử trùng, phòng bệnh cho người và vật nuôi;

+ Đảm bảo chuẩn bị đủ nguồn thức ăn, nước uống hợp vệ sinh.

3. Trách nhiệm phối hợp trong ứng phó thiên tai phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai, loại thiên tai: Theo quy định tại Mục 2 Nghị định 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014, cụ thể:

3.1. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1: Gồm các thiên tai do lốc, sét, mưa đá, mưa lớn, nắng nóng, hạn hán, sương muối, sương mù, lũ, ngập lụt, lũ quét; do sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy;

a) Chủ tịch UBND-Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng chống thiên tai cấp trên.

b) Chủ tịch UBND cấp xã được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

- Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

c) Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc người được ủy quyền.

d) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện hỗ trợ.

e) Chủ tịch UBND cấp huyện-Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy

động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai cấp trên.

f) Chủ tịch UBND cấp huyện được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;
- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

3.2. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2: Gồm các thiên tai do lốc, sét, mưa đá, mưa lớn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, sương muối, lũ, ngập lụt, lũ quét; do sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.

a) Chủ tịch UBND tỉnh-Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn.

b) Chủ tịch UBND tỉnh huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng vũ trang địa phương và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;
- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai và của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

c) Chủ tịch UBND, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại mục 3.1; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

d) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch UBND, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

3.3. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3: Gồm các thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão, mưa lớn, nắng nóng, hạn hán, lũ, ngập lụt, lũ quét:

a) Chủ tịch UBND, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền, triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

b. Chủ tịch UBND, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c, mục 3.2 nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

3.4. Ứng phó thiên tai cấp độ 4: Gồm các thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão, lũ, ngập lụt:

a) Chủ tịch UBND, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

b. Chủ tịch UBND, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c, mục 3.2 nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

IV. Xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai:

1. Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh:

- Tham mưu cho UBND tỉnh quản lý hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, chỉ huy, điều hành trong phạm vi toàn tỉnh;
- Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo quy định tại Khoản 1 điều 43 của Luật phòng chống thiên tai;
- Chỉ huy ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong thiên tai trên địa bàn tỉnh; tham mưu các giải pháp công trình và phi công trình trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai;
- Chủ trì thực hiện các chương trình, kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt;
- Kiểm tra đôn đốc các sở, ban, ngành, các huyện, thành, thị thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt;
- Triển khai thực hiện việc thu Quỹ Phòng chống thiên tai theo Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh (về thành lập Quỹ phòng chống thiên tai và cơ quan quản lý Quỹ phòng chống thiên tai theo quy định của Luật Phòng chống thiên tai và Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ).
- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền Luật phòng chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật phòng chống thiên tai cho các cấp, các ngành để triển khai thực hiện.
- Phối hợp với các sở ngành, chính quyền địa phương và các đơn vị chủ đập thủy điện, thủy lợi liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 Ban hành Quy trình ban hành và thực hiện Lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện An Khê- KaNak và hồ Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm.
- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu, đề xuất thành lập Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai;
- Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây nguyên tham mưu đề xuất lắp đặt một số trạm đo mưa tự động nhằm phục vụ chỉ đạo ứng phó kịp thời với lũ, lũ quét, sạt lở đất
- Tổ chức trực ban, kịp thời thông tin, cảnh báo cho các sở, ngành, các huyện, thành, thị để triển khai các biện pháp phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Đồng thời kiểm tra công tác khắc phục thiệt hại ở các địa phương bị thiên tai; Tổng hợp, báo cáo kịp thời tình hình thiệt hại và công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra về UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo (theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày

09/01/2017 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra).

- Tiếp nhận, phân bổ nguồn viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong công tác phòng chống thiên tai.

2. Các sở, ban, ngành của tỉnh: Trên cơ sở thẩm quyền và nhiệm vụ được giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2017. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền.

2.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh;

- Triển khai, thực hiện Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 Ban hành Quy trình ban hành và thực hiện Lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện An Khê- KaNak và hồ Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm

- Tổ chức lập kế hoạch sản xuất nông nghiệp để hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra và bảo đảm phát triển bền vững; quản lý việc đầu tư xây dựng, tu bổ, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, bao gồm công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn, chống sạt lở và công trình khác phục vụ phòng, chống thiên tai;

- Tổ chức thống kê, xử lý thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người làm công tác phòng, chống thiên tai.

2.2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công An tỉnh:

- Xây dựng và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đặc biệt xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ, hướng dẫn kỹ năng để ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố, thiên tai;

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai; đặc biệt là tại các khu vực xung yếu (ven sông, vùng trũng thấp, vùng có nguy cơ bị lũ quét, sạt lở đất...). Sẵn sàng phối hợp với các đơn vị, hỗ trợ, chi viện cho các huyện, thành, thị ngay khi có yêu cầu;

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xây dựng các phương án tìm kiếm cứu nạn; Công An tỉnh xây dựng phương án đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có thiên tai trên địa bàn tỉnh.

2.3. Sở Giao thông vận tải:

- Lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống bão lũ đối với các hệ thống đường tỉnh, đường Quốc lộ được ủy thác quản lý; phối hợp với các địa phương chỉ đạo trong công tác phòng chống bão lũ gây ra trên đường huyện, đường xã khi cần thiết; Phát triển giao thông vận tải phù hợp với chiến lược và kế hoạch phòng, chống thiên tai;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành trong việc xây dựng phương án phòng chống thiên tai của tỉnh;

- Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn của ngành; xây dựng phương án huy động về nhân lực, phương tiện, vật tư cứu hộ đảm bảo giao thông, phương án phân luồng trên các tuyến giao thông và bảo đảm an toàn giao thông khi có thiên tai xảy ra.

2.4. Sở Xây dựng:

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng phù hợp với pháp luật về phòng, chống thiên tai; chủ trì, phối hợp và hướng dẫn địa phương thực hiện quy hoạch xây dựng, bảo đảm an toàn công trình trước thiên tai;

- Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn của công trình phù hợp với thiên tai; Phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra các nhà, xưởng, công trình, các công trường đang thi công (nhất là vấn đề an toàn đối với giàn dáo, cần cẩu...) không bảo đảm an toàn khi xảy ra thiên tai. Cảnh báo các chủ đầu tư có công trình ngầm, chuẩn bị và thực hiện tốt nhất phương án chống ngập khi mưa bão;

- Trước mùa mưa bão hàng năm, chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức phân loại nhà, công trình theo hướng dẫn tại Văn bản số 1145/BXD-KHCN ngày 28/5/2015 về việc hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão và có phương án đảm bảo an toàn với các nhà cao tầng, nhà chung cư đã xuống cấp, nhà yếu.

2.5. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện kịp tiến độ, đạt hiệu quả;

- Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.6. Sở Lao động Thương binh và xã hội, Sở Y tế, Sở Công Thương:

- Chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn các khu vực khai thác khoáng sản, an toàn về nguồn điện và đường dây tải điện và các cơ sở công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Có kế hoạch đảm bảo dự trữ và chuẩn bị vật tư, thuốc men, nhiên liệu, hàng hóa, lương thực, thực phẩm và kinh phí cần thiết để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, đời sống, hỗ trợ cứu tế cho nhân dân, xử lý vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh và an toàn cộng đồng trong vùng xảy ra thiên tai chú trọng các vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt việc dự phòng tại chỗ; Chỉ đạo việc cấp cứu nạn nhân, phòng, chống bệnh dịch trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra;

- Đề xuất chính sách hỗ trợ cho các địa phương bị thiệt hại do thiên tai để sớm ổn định đời sống nhân dân vùng thiên tai trình UBND tỉnh quyết định;

- Hướng dẫn cho cán bộ y tế và cộng đồng về kỹ thuật cấp cứu thông thường, biện pháp vệ sinh môi trường; Hướng dẫn việc lồng ghép giới trong các hoạt động phòng, chống thiên tai.

2.7. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chỉ đạo thực hiện lồng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình các cấp;

- Lập quy hoạch xây dựng các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo kết hợp phòng, chống thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng vùng, địa phương để bảo đảm an toàn.

2.8. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ cho hoạt động, điều hành của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; đảm bảo thông tin tuyên truyền chính xác, kịp thời về diễn biến, tình hình thiên tai; tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng tránh;

- Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động trên địa bàn tỉnh thực hiện nhắn tin cảnh báo thiên tai qua điện thoại di động cho nhân dân biết và chủ động tránh trú an toàn theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

- Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính có phương án tham gia vận chuyển hàng hóa, vật liệu kịp thời phục vụ việc phòng, chống thiên tai.

2.9. Sở Công thương: Triển khai công tác quản lí an toàn đập thủy điện theo Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ, Thông tư số 34/2010/TT-BCT ngày 07/10/2010 của Bộ Công Thương, Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 Ban hành Quy trình ban hành và thực hiện Lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện An Khê- KaNak và hồ Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm và văn bản chỉ đạo hướng dẫn hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của UBND tỉnh.

2.10. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương khắc phục kịp thời ô nhiễm môi trường sau thiên tai xảy ra; hướng dẫn chính quyền địa phương xử lí thu gom vật kiến trúc, rác, vệ sinh môi trường và chôn lấp kịp thời xác chết động vật do thiên tai gây ra; tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất, đặc biệt là các cơ sở công nghiệp xả thải ra môi trường; xử lí vi phạm theo quy định pháp luật; tránh sự cố, thảm hoạ về môi trường.

- Triển khai, thực hiện Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 Ban hành Quy trình ban hành và thực hiện Lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện An Khê- KaNak và hồ Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm.

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh các bất cập của quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông Ba.

2.10. Đài phát thanh-Truyền hình tỉnh, các cơ quan thông tấn báo chí của tỉnh:

- Thực hiện chế độ phát tin cảnh báo, thông báo, truyền tin khi xảy ra thiên tai theo quy định tại Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/5014 của Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

- Xây dựng kế hoạch hợp tác với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để thực hiện các chương trình chuyên đề về phòng, chống, ứng phó thiên tai.

2.11. Công ty Điện lực Gia Lai: Đảm bảo nguồn điện liên tục 24/24 giờ cho các cơ quan, đơn vị chỉ đạo, điều hành, cảnh báo, dự báo, phòng, chống thiên tai. Bảo vệ hệ thống, thiết bị điện, trạm biến thế, đặc biệt là vấn đề an toàn trong sử dụng điện; đồng thời, xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng, chuẩn bị máy phát điện dự phòng cho các khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai.

2.12. Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Nguyên: Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, thủy văn, cảnh báo, dự báo kịp thời các hiện tượng khí tượng thủy văn đặc biệt các hiện tượng bất thường đưa ra các cảnh báo, dự báo kịp thời. Tiếp tục cụ thể hóa bản tin dự báo thời tiết nguy hiểm đến từng địa phương; Nâng cao chất lượng bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai, trọng tâm là nâng cao chất lượng về thời gian, cường độ ảnh hưởng bão, áp thấp nhiệt đới. Lũ, lũ quyét, sạt lở đất.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định của Luật Phòng chống thiên tai và văn bản hướng dẫn thực hiện và kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh; Trên cơ sở quy định của Luật phòng chống thiên tai và kế hoạch Phòng chống thiên tai cấp tỉnh năm 2017, UBND cấp huyện chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2017 của địa phương; Xây dựng và phê duyệt các phương án ứng phó thiên tai;

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn quản lý; Chuẩn bị lực lượng, phương tiện vật tư, trang thiết bị sẵn sàng theo Kế hoạch, phương án đã phê duyệt để ứng cứu kịp thời khi thiên tai xảy ra nhằm giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất;

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp xã thực hiện xây dựng và phê duyệt kế hoạch phòng chống thiên tai, các phương án ứng phó phù hợp với các loại hình thiên tai tại địa phương; tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai trên địa bàn;

- Tổ chức thu Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn quản lý đảm bảo theo kế hoạch giao và chuyển về tài khoản Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh theo quy định;

- Chủ động huy động nguồn lực và lồng ghép các hoạt động phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội, đơn vị cá nhân có liên quan:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật phổ biến kiến thức, kinh nghiệm nâng cao năng lực cộng đồng phòng ngừa thiên tai; tổ chức các đội thanh niên tình nguyện, xung kích ứng cứu công trình, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai. Vận động, tiếp nhận, phân phối và quản lý, sử dụng các nguồn cứu trợ, đóng góp tự nguyện để hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do thiên tai;

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế - xã hội đóng trên địa bàn tỉnh và mỗi công dân: Triển khai thực hiện các quy định của Luật phòng chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai theo

trách nhiệm và phạm vi quản lý, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư để chủ động tham gia ứng cứu khi có lệnh của UBND và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;

- Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng tích cực tham gia thực hiện kế hoạch Phòng chống thiên tai và đầu tư vào các dự án phòng chống thiên tai.

V. Nguồn lực thực hiện:

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã, phường, thị trấn là lực lượng thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai;
- Các nguồn lực từ các tổ chức chính trị xã hội;
- Các nguồn vật tư nhu yếu phẩm trong cộng đồng;
- Hệ thống thông tin, truyền thông công cộng;
- Quỹ Phòng chống thiên tai;
- Các nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân;
- Các nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

VI. Chế độ báo cáo:

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2017 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trên cơ sở Kế hoạch này, các cấp, các ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết của đơn vị để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thiên năm 2017 và thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định về Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Thành